

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102739992 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 24/08/2012)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: 142/2012/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2012)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau từ ngày 14/09/2012:

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH - PTK

Trụ sở: Số 74 - F3, khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 35409236

Fax: (84-4) 35409237

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG - OCS

Trụ sở: Số 4 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3772 6699

Fax: (84-4) 3772 7077

Phụ trách công bố thông tin:

Ông/Bà: Trần Thị Thu Hoài

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: (84-4) 35409236

Fax: (84-4) 35409237



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102739992 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 24/08/2012)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Tổng số lượng niêm yết:** 21.600.000 cổ phiếu
- **Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:** 216.000.000.000 đồng

- **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)



Trụ sở: Số 02 Huyện Khương Ninh, P.Đa Kao, Quận 1,
TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3910 5401 **Fax:** (84-8) 3910 5402

- **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG



Trụ sở: Số 4 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3772 6699 **Fax:** (84-4) 3772 7077

Chi nhánh Sài Gòn: Tầng M, tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn
Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 6290 6399 **Fax:** (84-8) 6290 6399

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	5
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP	5
3. RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH KINH DOANH.....	6
4. RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG	7
5. RỦI RO VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC MỎ	8
6. RỦI RO TRONG VIỆC QUẢN LÝ NGUỒN TÀI NGUYÊN THUỘC CHỦ QUYỀN	9
7. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU	9
8. RỦI RO KHÁC	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH....	10
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	12
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	12
2. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	13
2.2. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN.....	14
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	15
3.1. SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	15
3.2. SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ CÔNG TY.....	16
3.3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	16
4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỈ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....	20
5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	20
5.1. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT, CHI PHỐI ĐỐI VỚI PHÚ THỊNH	21
5.2. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY CON, NHỮNG CÔNG TY DO PHÚ THỊNH NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT, CHI PHỐI HOẶC GÓP VỐN LIÊN DOANH LIÊN KẾT	21
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	21
6.1. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHOÁNG SẢN	21
6.2. HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN.....	23
6.3. SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM/GIÁ TRỊ DỊCH VỤ QUA CÁC NĂM	28
6.4. NGUYÊN VẬT LIỆU, CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO	31
6.4. CHI PHÍ SẢN XUẤT.....	32
6.5. TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ.....	34
6.6. TÌNH HÌNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM/DỊCH VỤ	37
6.7. HOẠT ĐỘNG MARKETING	37
6.8. NHÃN HIỆU THƯƠNG MẠI, ĐĂNG KÝ PHÁT MINH SÁNG CHẾ VÀ BẢN QUYỀN.....	37

7. CÁC HỢP ĐỒNG LỚN ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN HOẶC ĐÃ ĐƯỢC KÝ KẾT.....	38
8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	38
8.1. TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2010, 2011 VÀ 03 THÁNG/2012	38
8.2. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM BÁO CÁO	40
9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	40
10. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	42
11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	44
12. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	45
12.1. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN.....	45
13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	50
13.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	50
13.2. BAN KIỂM SOÁT	55
13.3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	58
13.4. KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	58
14. TÀI SẢN.....	60
15. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO.....	60
15.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN 2012 – 2014	60
15.2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG GIAI ĐOẠN 2012 – 2013..	61
15.3. CĂN CỨ ĐỀ ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG GIAI ĐOẠN 2012 – 2013	61
16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	64
17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	65
18. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	65
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	66
1. LOẠI CHỨNG KHOÁN:	66
2. MỆNH GIÁ:	66
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT:	66
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	66
5. GIỚI HẠN NĂM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	67
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	67
A. ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU THEO PHƯƠNG PHÁP P/B	67
B. ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU THEO PHƯƠNG PHÁP P/E.....	68
C. ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU THEO PHƯƠNG PHÁP CHIẾT KHẤU LƯỜNG THU NHẬP (DCF)	69
7. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN.....	72
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	73
VII. PHỤ LỤC	74

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

BẢNG 1: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	20
BẢNG 2: CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 30/07/2012	20
BẢNG 3: CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THEO SẢN PHẨM THU MUA VÀ KHAI THÁC CỦA CÔNG TY ...	28
BẢNG 4: CƠ CẤU DOANH THU THUẦN CỦA CÔNG TY	29
BẢNG 5: CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP CỦA CÔNG TY	30
BẢNG 6: DANH SÁCH MỘT SỐ NHÀ CUNG CẤP VẬT TƯ NHIÊN LIỆU CHO CÔNG TY.....	31
BẢNG 7: TỶ TRỌNG CÁC CHI PHÍ CỦA CÔNG TY QUA CÁC NĂM.....	32
SƠ ĐỒ 1: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TUYỂN QUẶNG SẮT TỪ	34
BẢNG 8: DANH SÁCH MÁY MÓC THIẾT BỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TY	35
BẢNG 9: MỘT SỐ HỢP ĐỒNG LỚN ĐANG THỰC HIỆN VÀ ĐÃ ĐƯỢC KÝ KẾT	38
BẢNG 10: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUA CÁC NĂM.....	38
BẢNG 11: SỐ LƯỢNG NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY.....	42
BẢNG 12: MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN.....	44
BẢNG 13: THỜI GIAN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	45
BẢNG 14: TỔNG HỢP NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	45
BẢNG 15: SỐ DƯ CÁC QUỸ	46
BẢNG 16: TÌNH HÌNH DƯ NỢ VAY	47
BẢNG 17: KHOẢN PHẢI THU.....	47
BẢNG 18: KHOẢN PHẢI TRẢ.....	48
BẢNG 19: CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	48
BẢNG 20: DANH SÁCH HĐQT, BGD, BKS, KẾ TOÁN TRƯỞNG	50
BẢNG 22: TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 30/06/2012	60
BẢNG 23: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2012-2013.	61
BẢNG 24: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KINH DOANH TỪ CÁC MÔ GIAI ĐOẠN 2012 – 2013.....	62

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

Tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế từ những năm trước, năm 2011 và những tháng đầu năm 2012 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn và tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn. Điều này được thể hiện rõ nhất ở tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2011 chỉ đạt 5,89%, thấp hơn kế hoạch đề ra là 6%, giảm 1% so với năm 2010. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm là 4,38% thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng mà Quốc hội đề ra (6-6,5%). Tình hình kinh tế liên tục có những diễn biến khó lường, nếu như trong năm 2011 Việt Nam phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao với tỷ lệ lạm phát lên đến 18,58% thì bước sang năm 2012 tỷ lệ này liên tục giảm so với cùng kỳ của các năm trước và đặc biệt mang giá trị âm liên tiếp trong 2 tháng 6 và 7 năm 2012 đưa nền kinh tế Việt Nam đến gần hơn nữa nguy cơ đình đốn.

Trong điều kiện đó, Chính Phủ đã và đang có hàng loạt các biện pháp mạnh tay nhằm ngăn chặn nguy cơ đình đốn của nền kinh tế thông qua hàng loạt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như giãn thời gian nộp thuế GTGT, kiên quyết đưa trần lãi suất cho vay xuống mức 15%/năm và gần đây nhất là những bước đi mạnh mẽ nhằm đưa lãi suất đối với các khoản vay cũ xuống dưới 15%/năm...

Theo dự báo của các chuyên gia, trong những tháng cuối năm 2012 và năm 2013, nền kinh tế thế giới sẽ tiếp tục đón nhận những diễn biến khó lường, và theo chiều hướng xấu. Kinh tế vĩ mô trong nước có dấu hiệu tốt dần lên, nhưng kinh tế vi mô đang gặp khó khăn nghiêm trọng, các doanh nghiệp không có khả năng hấp thụ vốn, tăng trưởng kinh tế năm 2012 khoảng 5,5% và lạm phát năm nay ở quanh mức 6% do kinh tế đang rơi vào tình trạng suy kiệt.

Để ứng phó với các biến động kinh tế, Phú Thịnh cũng đã xem xét thận trọng trong việc đặt mục tiêu kết quả kinh doanh nhằm đảm bảo không bị ảnh hưởng từ biến động về tình hình lãi suất và khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các luật về đất đai, môi trường, khai thác tài nguyên, khoáng sản. Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích, hay hạn chế, các chính sách về thuế,

về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận. Khi phát hành cổ phiếu và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Do hệ thống Pháp luật Việt Nam, đặc biệt là Luật khoáng sản đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi cũng như những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty, như:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005. Luật số 46/2005/QH11 Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996.
- Ngày 22 tháng 1 năm 2009 Nghị định số 07/2009/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật khoáng sản.
- Ngày 17 tháng 11 năm 2010 Quốc Hội đã thông qua luật Khoáng sản số: 60/2010/QH12.
- Ngày 09 tháng 03 năm 2012 Chính Phủ có quy định chi tiết số 15/2012/NĐ-CP về thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Các thay đổi này đã làm cho Công ty gặp phải không ít những khó khăn trong việc hoàn chỉnh hồ sơ cấp phép theo luật mới, phải huy động một lượng vốn lớn phục vụ cho công tác khai thác, đấu thầu mỏ, nộp quỹ môi trường và các loại thuế khác áp dụng theo luật khoáng sản mới...

Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi cập nhật kịp thời, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược phát triển cho phù hợp.

3. Rủi ro trong quá trình kinh doanh

- Rủi ro đối với hoạt động kinh doanh thương mại:

Trong những năm qua, hoạt động kinh doanh chính của Phú Thịnh là kinh doanh thương mại các loại quặng (quặng sắt, chì, kẽm) và đá thạch anh, luôn

tiềm ẩn các rủi ro như: rủi ro về biến động giá quặng giữa thời điểm mua vào và bán ra, rủi ro thị trường tiêu thụ, rủi ro cháy nổ, rủi ro về thất thoát tài sản.

Hiện nay, tình hình kinh tế Thế giới cũng như Việt Nam có những biến động phức tạp, nhu cầu về các vật liệu cơ bản như sắt thép tăng giảm mạnh khó dự đoán, kéo theo nhu cầu về các loại quặng sắt, kẽm, ... biến động, đồng thời khiến giá quặng không ổn định, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Phú Thịnh.

Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Công ty là các doanh nghiệp trong nước, phải đối mặt với nhiều cạnh tranh do có một số Tổng công ty và công ty khai thác khoáng sản lớn cũng đang mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh thương mại các loại quặng khai thác được. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và đang có chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, mở rộng liên doanh liên kết trong việc sản xuất và chế biến các chế phẩm từ quặng sắt, chì, kẽm.

- Rủi ro trong hoạt động khai thác:

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào những thay đổi của điều kiện tự nhiên: mưa gió, bão, lũ lụt,.. nằm ngoài khả năng kiểm soát, có thể khiến hoạt động khai thác bị ngưng trệ, ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Phú Thịnh.

Một rủi ro khác về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu, hoặc không đủ để khai thác công nghiệp, doanh nghiệp phải chịu thua lỗ sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, các mỏ khoáng sản do Công ty CP luyện kim Phú Thịnh có quy mô vừa và nhỏ đã được đánh giá trong giai đoạn trước (do Tổng Cục địa chất thực hiện) ở các mức độ thăm dò và đánh giá khác nhau nhưng chủ yếu ở công tác điều tra cơ bản với mạng lưới thi công thưa, các công trình thăm dò chưa nhiều do đó mức độ đánh giá còn giới hạn, chủ yếu ở cấp tài nguyên 333 và 334a, độ rủi ro còn cao. Bên cạnh đó, những khó khăn mà Phú Thịnh phải ứng phó thường xuyên đó là điều kiện khai thác khó khăn, mỏ chủ yếu nằm tại vùng sâu, vùng xa, đồi núi hiểm trở, địa hình dốc, phân cắt mạnh, dân cư thưa thớt, điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Để khắc phục tình trạng này Công ty đã mạnh dạn đầu tư kinh phí vừa khai thác vừa thăm dò, với kinh phí đầu tư lớn.

4. Rủi ro về môi trường

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên,

xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Do việc khai thác mỏ quặng sắt, thiếc chủ yếu là khai thác lộ thiên nên sức tàn phá môi trường lớn, diện tích bề mặt khai thác rộng, lượng nước cần cho khai thác và chế biến nhiều, khiến bùn thải lớn rất có thể gây nên hiệu ứng bùn đỏ. Những năm qua, ngay trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng phụ trợ, song song với việc cải tạo phục hồi môi trường, Phú Thịnh đã chú trọng đầu tư kinh phí để xây dựng các công trình tái tạo môi trường, như: hồ chứa bùn, hồ lắng, hồ trung hòa, bãi chứa chất thải rắn, công trình xử lý nước thải khai thác và tiếp sau đó là công tác phục hồi môi trường sau khai thác cũng chiếm một lượng kinh phí không nhỏ...

Hơn thế nữa, xu hướng gia tăng ngày càng cao của các khoản phí bảo vệ môi trường, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý nước thải, phí khai thác tận thu khoáng sản, tiền thu đất khai thác khoáng sản cũng là sức ép không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh của Phú Thịnh.

5. **Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ**

Thời hạn khai thác mỏ của Phú Thịnh phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Phú Thịnh không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không cho phép gia hạn giấy phép khai thác mỏ đối với Phú Thịnh là không nhiều do năng lực và chất lượng khai thác của Phú Thịnh đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Tuy nhiên, rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Phú Thịnh.

Bên cạnh đó, hầu hết các mỏ quặng của Phú Thịnh và công ty con đang đầu tư đều là những mỏ có quy mô nhỏ và vừa, đều được cấp phép khai thác trong vòng 5 năm và bắt đầu từ năm 2009, do vậy chủ yếu do Tỉnh cấp phép với thời gian khai thác khá ngắn khoảng 5 năm. Mà trên thực tế, các khu vực mỏ này phần lớn đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, chuẩn bị hạ tầng cơ sở, đặt mũi thăm dò, ... để phục vụ cho việc khai thác chính thức dự kiến vào cuối năm 2012. Do đó, đến hết năm 2014, nếu Phú Thịnh không xin gia hạn được giấy phép thì việc khai thác quặng có thể bị ngừng, gây tổn hại tới kết quả kinh doanh của Phú Thịnh. Tuy nhiên, rủi ro bị ngừng khai thác này sẽ không đáng ngại, bởi theo căn cứ vào điều 17, điều 25 và điều 29 của Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 quy định về việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác mỏ, Phú Thịnh có quyền được xin gia hạn khai thác với thời gian gia hạn khoảng 3-7 năm theo trình tự như điều 25 mục 3 chương 3 NĐ 15/2012/NĐ-CP.

6. **Rủi ro trong việc quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền**

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Phú Thịnh có các mỏ thuộc quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

7. **Rủi ro biến động giá cổ phiếu**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh sẽ đem lại cho Công ty nhiều lợi ích trong việc khẳng định uy tín, quảng bá thương hiệu, huy động vốn cho các dự án đầu tư... Tuy nhiên sự biến động giá cổ phiếu là khó tránh khỏi, rủi ro này không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung... Để giảm thiểu một cách tối đa đối với rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, ngay từ giai đoạn chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. **Rủi ro khác**

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn)... Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các công trình xây dựng mà Công ty tiến hành thi công.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Hồng Tiến	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Thái Bá Hiền	Chức vụ: Thành viên HĐQT-Kiểm Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hoài	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Đồng Thị Hiền	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Hồng Sơn**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do CTCP Chứng khoán Đại Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Luyện kim Phú Thịnh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Luyện kim Phú Thịnh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Những từ, nhóm từ viết tắt được thể hiện trong bản cáo bạch có nội dung như sau:

Công ty	: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh
Phú Thịnh	: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh
Thăng Long Nghệ An	: Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An
BGD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
TGD	: Tổng Giám đốc
HDQT	: Hội đồng quản trị
Cổ phần	: Cổ phần
Báo cáo tài chính	: Là báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HSX	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh, tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Á, được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2008, thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 08 năm 2012.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Tên tiếng Anh: PHU THINH METALLURGY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 74 F3, khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 35409236 **Fax:** (84-4) 35409237

Website: www.luyenkimphuthinh.vn

Email: info@luyenkimphuthinh.vn

Tài khoản số: 21310000228575 mở tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Nam Hà Nội

Mã số thuế: 0102 739 992

Biểu tượng của Công ty:

Vốn điều lệ: 216.000.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu tỷ đồng)

Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102739992 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 24/08/2012.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh Bất động sản bao gồm:
 - + Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
 - + Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
 - + Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;

- + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;
- + Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp;
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh là đơn vị hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn góp, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hoạt động vì lợi ích Công ty.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện Kim Đông Á với vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 đồng. Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ nhất lên 156.000.000.000 đồng vào ngày 03 tháng 12 năm 2010, đồng thời đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh. Ngày 28 tháng 05 năm 2012, Công ty đã thực hiện thành công đợt tăng vốn lần thứ hai lên 216.000.000.000 đồng.

Qua các năm hoạt động, Công ty đã không ngừng phát triển và lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng, nhanh chóng chiếm thị phần trên thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu nhờ tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý chất lượng sản phẩm.

Trong 5 năm hoạt động và phát triển của mình, với đội ngũ cán bộ quản lý kinh nghiệm, với nhiều năm cộng tác cùng các đối tác trong và ngoài nước ở các dự án khai thác mỏ, Công ty đã nhận được sự tín nhiệm của các bạn hàng, đồng thời đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong kinh doanh.

Các mốc hình thành và phát triển

Ngày 29/04/2008	Thành lập	Với tên gọi Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Á , với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng
Ngày 07/04/2009	Đầu tư vào công ty con	Mua lại Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An để trở thành công ty con 100% vốn góp với số vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng
Ngày 03/12/2010	Tăng vốn điều lệ, Đổi tên Công ty	- Tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 156.000.000.000 đồng - Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh
Ngày 28/05/2012	Tăng vốn điều lệ	Tăng vốn điều lệ từ 156.000.000.000 đồng lên 216.000.000.000 đồng

Định hướng phát triển

Về lĩnh vực kinh doanh, định hướng của Công ty sẽ chuyên sâu vào lĩnh vực khai thác khoáng sản và kinh doanh thương mại khoáng sản. Với định hướng cụ thể như sau:

- Với hoạt động kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán các loại khoáng sản, trong những năm tới, Phú Thịnh đặt mục tiêu phát triển chính là: Đầu tư sâu rộng cho ngành khai thác, chế biến khoáng sản, kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ quặng sắt.
- Triển khai, đầu tư thêm các dự án mở rộng, tăng năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm và chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty trong nước cũng như ngoài nước.
- Tận dụng các lợi thế về mỏ hiện có của Công ty, Phú Thịnh định hướng trở thành một Công ty lớn về khai thác, chế biến, kinh doanh thương mại khoáng sản, nhằm tận dụng hết các lợi thế về tài chính, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty và hợp tác chặt chẽ với các Công ty kinh doanh cùng ngành.

2.2. Tóm tắt quá trình tăng vốn

Căn cứ Giấy CNĐKKD số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty khi thành lập là 50.000.000.000 đồng.

Thông tin về các lần tăng vốn của công ty cụ thể như sau:

Các lần tăng vốn	Ngày thực hiện	Đối tượng chào bán	Số cổ phần chào bán	Giá chào bán (đồng/cp)	Số tiền thu được (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)
Tăng vốn lần 1	03/12/2010	CDHH	10.600.000	10.000	106.000.000.000	156.000.000.000
Tăng vốn lần 2	28/05/2012	CDHH	6.000.000	10.000	60.000.000.000	216.000.000.000
		Tổng cộng	6.000.000	10.000	60.000.000.000	216.000.000.000

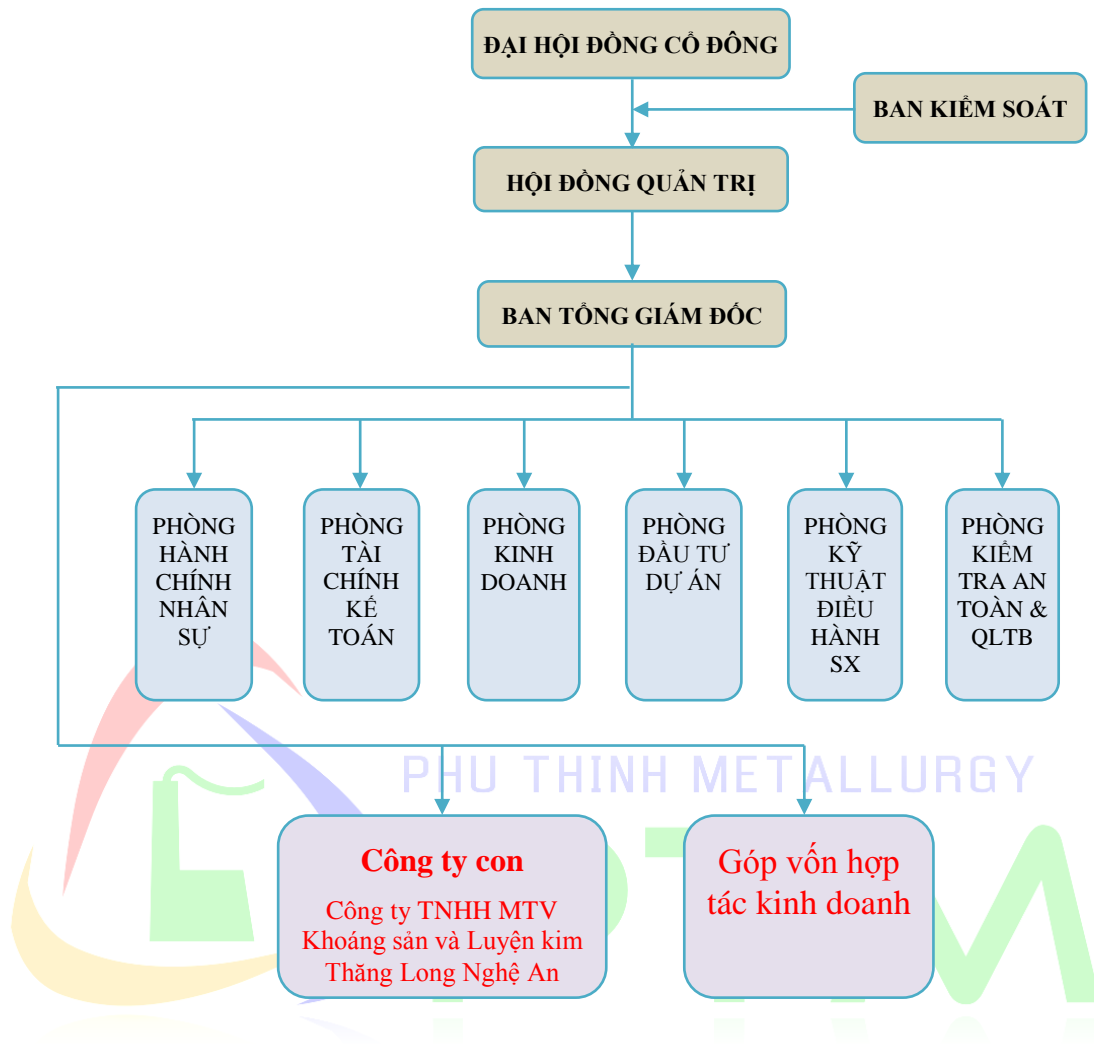
Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

3. Cơ cấu tổ chức công ty

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty



3.2. Sơ đồ cơ cấu quản lý công ty



3.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số Thành viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. HĐQT có tối đa 11 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐQT là 5 năm.

Hiện tại, HĐQT của Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm:

Ông Nguyễn Hồng Tiến	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Thái Bá Hiến	Chức vụ: Thành viên HĐQT - Kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Tân	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Dinh	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thái	Chức vụ: Thành viên HĐQT - Kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Hiện tại, Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 (năm) năm, cụ thể:

Bà Đồng Thị Hiền	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Bà Phạm Hồng Thảo	Chức vụ: Thành viên ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Công	Chức vụ: Thành viên ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo chiến lược, kế hoạch đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 02 thành viên:

Ông Thái Bá Hiến	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thái	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng của Công ty do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hoạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty và thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty

Bà Trần Thị Thu Hoài Chức vụ: Kế toán trưởng

✚ Các phòng ban khác

➤ Phòng Hành chính nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

➤ Phòng Kinh doanh

Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty:

- Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt.
- Tìm hiểu thông tin về nhu cầu thị trường, yêu cầu về chất lượng, giá cả, thời hạn giao hàng, phương thức giao nhận hàng và thanh toán.
- Dự thảo và lập các hợp đồng kinh tế.
- Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, phản ánh kịp thời các sự cố, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các sự cố trong quá trình hợp đồng kể từ khi thương thảo dự thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng, thực hiện đến khi kết thúc thanh lý hợp đồng.
- Tổ chức giới thiệu Công ty thông qua các hình thức chào hàng, quảng cáo, tham gia hội chợ triển lãm, thăm dò ý kiến khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Phối hợp với phòng Kỹ thuật – Điều hành sản xuất theo dõi tiến độ sản xuất, điều xuất hàng cho phù hợp với tình hình kinh doanh.

➤ Phòng Đầu tư dự án

- Tổ chức lập đề án, đánh giá hiệu quả và xây dựng lộ trình thực hiện các dự án trong hạng mục đầu tư của Công ty từ giai đoạn chuẩn bị cho đến khi dự án đi vào hoạt động. Quản lý và đánh giá hiệu quả thực tế của từng dự án khi đi vào hoạt động, báo cáo và tham mưu trực tiếp cho Ban Tổng Giám đốc phê duyệt theo từng giai đoạn triển khai.
- Tổ chức quản lý, cân đối và phân bổ nguồn tài chính cho các dự án. Theo dõi và đánh giá hiệu quả của từng hạng mục đầu tư. Đảm bảo các loại tài sản của doanh nghiệp được kiểm soát được sử dụng một cách hợp lý và sinh lợi.

➤ Phòng Kiểm tra an toàn và Quản lý thiết bị

- Tổ chức thực hiện cung ứng vật tư, nguyên liệu, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, đúng tiến độ cho các yêu cầu sản xuất và các yêu cầu khác của Công ty.
- Tổ chức triển khai sản xuất theo các yêu cầu của hợp đồng - đơn đặt hàng thông qua kế hoạch sản xuất được Ban Tổng giám đốc duyệt thực hiện.
- Tổ chức công tác kiểm soát và quản lý các kho bãi của Công ty.
- Quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm soát và đánh giá chất lượng vật tư, thiết bị sản xuất phù hợp nhu cầu sử dụng.
- Xây dựng và cung cấp các tài liệu kỹ thuật sản xuất.
- Đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, triển khai sản xuất sản phẩm mới.
- Huấn luyện, nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, công nhân.

- Tham mưu Ban Tổng giám đốc các vấn đề liên quan kỹ thuật và các vấn đề về tổ chức hoạt động sản xuất.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty: công ty không có cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.

Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Phạm Lê Thiệu	2.100.000	21.000.000.000	42%
2	Nguyễn Thị Minh Hiền	2.000.000	20.000.000.000	40%
3	Nguyễn Thị Thành	500.000	5.000.000.000	10%
4	Phạm Thị Quế	400.000	4.000.000.000	8%
	Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Giấy CNĐKKD của Công ty được cấp lần đầu là ngày 29/04/2008, do vậy căn cứ điều 84 của Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều đã được bãi bỏ.

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến ngày 30/07/2012

STT	CỔ ĐÔNG	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (đồng)	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0%
2	Cổ đông trong nước				
	- Cá nhân	216.000.000.000	21.600.000	130	100%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
3	Cổ đông nước ngoài				
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
	Tổng cộng	216.000.000.000	21.600.000	130	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát

hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1. Danh sách công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với Phú Thịnh

Không có

5.2. Danh sách những công ty con, những công ty do Phú Thịnh nắm quyền kiểm soát, chi phối hoặc góp vốn liên doanh liên kết

Theo quyết định số: 11/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/03/2009, Phú Thịnh có một công ty con là **Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long Nghệ An**

Địa chỉ	Số 20 Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Giấy ĐKDN số	2900980683, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/12/2008, và thay đổi lần thứ hai ngày 27/12/2010
Ngành nghề kinh doanh chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán các loại khoáng sản; - Mua bán các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim; - Luyện kim; - Lập dự án đầu tư, xây dựng nhà máy chế biến, luyện kim; - Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Vốn điều lệ	: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ VND)
Vốn điều lệ thực góp đến nay	: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ VND)
Tỷ lệ góp vốn cam kết của Phú Thịnh	: 100%
Tỷ lệ vốn thực góp của Phú Thịnh đến 07/04/2009	: 100%

6. Hoạt động kinh doanh

Kể từ khi thành lập đến nay, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh chủ yếu là kinh doanh thương mại các loại quặng (quặng sắt, quặng kẽm, quặng thiếc), các loại đá (đá thạch anh,..). Từ năm 2009, với việc đầu tư 20 tỷ đồng vào công ty con Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An, Công ty có kế hoạch mở rộng sang hoạt động đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, và đây đang là định hướng chính trong lĩnh vực kinh doanh dài hạn trong thời gian tới.

6.1. Hoạt động kinh doanh khoáng sản

Hiện tại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cho các đơn hàng ngày càng lớn của các khách hàng trong và ngoài nước, Công ty thực hiện thu mua lại quặng nguyên liệu của các đơn vị khác, thực hiện sơ chế để cung cấp đầy đủ và đúng hạn cho

các khách hàng. Công ty đang thực hiện kinh doanh khoáng sản chủ yếu là các loại: quặng sắt, thiếc, chì, kẽm, và các loại đá.

Quặng sắt là nguồn nguyên liệu đầu vào chính cho các nhà máy luyện gang thép. Hiện tại nhà cung cấp quặng cho hoạt động thương mại của Phú Thịnh chủ yếu gồm: Tổng công ty Cổ Phần Khoáng Sản Na Rì Hamico, Công ty Cổ Phần Đồng Vàng Bắc Kạn, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc, Công ty Cổ Phần Thép Cao Bắc. Nguồn gốc xuất xứ của quặng sắt thương mại là quặng tại các mỏ tại Yên Bái, Lào Cai, ... với hàm lượng Fe khoảng từ 40-55%.



Một số hình ảnh quặng sắt

Ngoài mua bán quặng sắt, từ năm 2012 Công ty còn kinh doanh thêm quặng chì và tinh bột chì, với nguồn hàng cung cấp từ Tập đoàn tre gỗ Việt Nam.



Một số hình ảnh quặng chì và tinh bột chì

Khách hàng nhập các mặt hàng quặng sắt và quặng chì chủ yếu của Phú Thịnh là các công ty: CTCP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc, CTCP An Hồng Phương, CTCP Luyện kim Đông Bắc, ...

Một mặt hàng kinh doanh đóng góp tỷ trọng lớn trong doanh thu của Công ty là đá Thạch anh. Đá thạch anh ngoài việc được sử dụng để làm đồ trang sức, trang trí, đồ phong thủy, còn được ứng dụng rất nhiều trong việc sử dụng trong lĩnh vực điện tử, ... Nguồn cung cấp chủ yếu từ Công ty CP Đồng Vàng Bắc Kạn, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc, Công ty Cổ Phần Thép Cao Bắc, ...



Một số hình ảnh đá thạch anh

Thời gian tới, cùng với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Yên Bái Lào Cai, Công ty sẽ mở rộng hơn nữa việc kinh doanh mặt hàng khoáng sản gồm quặng thiếc, chì, kẽm, và đá thạch anh, đá cục Silic,...

6.2. Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản

Kể từ năm 2009, Phú Thịnh đã có định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển sâu vào lĩnh vực khai thác và chế biến quặng. Từ tháng 04/2009, Công ty đã tiến hành mua lại Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An từ CTCP Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long trở thành công ty con với 100% vốn góp, theo đó công ty con sẽ có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục liên quan tới việc xin cấp phép khai thác mỏ, triển khai thăm dò, và khai thác quặng.

Hiện nay các mỏ quặng mà Thăng Long Nghệ An đã xin được giấy phép khai thác bao gồm các mỏ quặng sắt, thiếc và caxiterit. Các mỏ quặng này chủ yếu đang trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng hạ tầng cơ sở, đặt mui thăm dò để tiến hành khai thác, dự kiến sẽ có 1 mỏ được đưa vào khai thác trong 6 tháng cuối năm 2012. Trong những năm tới, các sản phẩm từ hoạt động khai thác mỏ sẽ là nguồn cung cấp đầu vào ổn định cho mảng kinh doanh thương mại khoáng sản của công ty mẹ Phú Thịnh.

Các mỏ quặng sắt ở Nghệ An, bao gồm:

- + Mỏ quặng sắt Eluvi-deluvi Tống Phái, tại Xã Châu Bình huyện Quỳnh Châu, và xã Yên Hợp huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.
- + Mỏ quặng sắt Eluvi-deluvi Võ Nguyên, tại Xã Thanh Lâm huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
- + Mỏ quặng sắt Eo Dông, tại xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- + Mỏ quặng đa kim (sắt và thiếc – Caxiterit) tại Xã Tri Lễ huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An với các sản phẩm chính là là quặng sắt, thiếc và caxiterit.

1 số hình ảnh mỏ quặng sắt



Thông tin về các mỏ ở Nghệ An như sau:**a. Khai thác lộ thiên mỏ sắt Eluvi-deluvi Tổng Phái, tại Xã Châu Bình huyện Quỳnh Châu, và xã Yên Hợp huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.**

Mỏ quặng sắt xã Yên Hợp huyện Quỳnh Hợp và xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long – Nghệ An theo quyết định số 434/QĐ-UBND.TN ngày 12/02/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 276.357 tấn quặng sắt tinh
- Công suất khai thác: 45.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên - khoan nổ mìn
- Hệ thống khai thác: theo lớp bằng, xúc bốc, vận tải trực tiếp
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 1 năm 6 tháng
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: đã mở hào từ điểm A có tọa độ X: 2153522; Y: 552522, Z; +85m. Bề rộng 7,5m, chiều dài hào 193m; góc nghiêng thành hào 500; góc dốc đáy hào 8%, Khối lượng hào cánh nam là 549m³. Khối lượng tận thu quặng là 2.594 tấn. Khối lượng khai thác hiện tại là 85.000 tấn quặng nguyên khai, công ty đã tiến hành tinh tuyển một phần lượng quặng nguyên khai đã khai thác và thu được 1.200 tấn quặng sắt tinh. Dự kiến trong năm 2012 công ty sẽ huy động mọi nguồn lực (lao động, máy móc, kỹ thuật) để cố gắng khai thác và tinh tuyển quặng tối đa công suất.
- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Mỏ sắt tại Tổng Phái và Yên Hợp – Nghệ An này gồm 3 điểm mỏ nhưng đến thời điểm hiện tại tại Điểm mỏ tại Bản Can đã hết hạn giấy phép (tháng 2/2012), do trữ lượng thấp và công tác khai thác khó khăn dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, nên Công ty đã không xin gia hạn khai thác thêm Điểm mỏ này. Hai điểm mỏ còn lại Công ty sẽ tiến hành xin gia hạn giấy phép vào đầu năm 2014.

b. Khai thác lộ thiên mỏ quặng sắt và thiếc - Caxiterit Tri Lễ, tại Xã Tri Lễ huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Mỏ quặng sắt và thiếc khu vực Tri Lễ được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long – Nghệ An theo quyết định số 315/QĐ-UBND.TN ngày 22/01/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 437.179 tấn quặng sắt tinh và 285 tấn quặng thiếc tinh
- Công suất khai thác: 50.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên - khoan nổ mìn
- Hệ thống khai thác: theo lớp bằng, xúc bốc, vận tải trực tiếp
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 1 năm 5 tháng
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: Tại Huồi Cỏ Phạt 1 đã mở hào có khối lượng 11.230m³, hiện tại đã khai thác khoảng 35.000 tấn quặng nguyên khai, công ty đã tiến hành tinh tuyển một phần lượng quặng nguyên khai đã khai thác và thu được 15 tấn quặng sắt, 6 tấn quặng thiếc tinh. Dự kiến khai thác và tinh tuyển quặng tối đa công suất trong năm 2012.
- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Công ty có kế hoạch xin gia hạn vào đầu năm 2014

c. Khai thác lộ thiên mỏ sắt - Eluvi-deluvi Võ Nguyên, tại Xã Thanh Lâm huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Mỏ sắt Võ Nguyên được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long – Nghệ An theo quyết định số 295/QĐ-UBND.TN ngày 21/01/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Loại khoáng sản: Quặng sắt
- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 272.955 tấn quặng sắt tinh
- Công suất khai thác: 60.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên - khoan nổ mìn
- Hệ thống khai thác: theo lớp bằng, xúc bốc, vận tải trực tiếp
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 1 năm 5 tháng
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: Hiện tại đã mở mỏ từ điểm A có tọa độ X: 2063751; Y: 572391; Z: 5m đến điểm C đỉnh đồi. Đường hào có dạng bán hoàn chỉnh cắt vào thân quặng có chiều rộng 7,5m, dài, 122,5 và 535m, góc nghiêng thành hào 500, độ dốc đáy hào 8%, khối lượng hào mở mỏ cánh nam 7.039m³, khối lượng quặng tận thu là 14.649 tấn. Hiện tại khối lượng khai thác khoảng 75.000 tấn quặng nguyên khai, công ty đã tiến hành tinh tuyển một phần lượng quặng nguyên khai đã khai thác và thu được 4.500 tấn quặng

sắt tinh. Dự kiến trong năm 2012 công ty sẽ huy động mọi nguồn lực (lao động, máy móc, kỹ thuật) để cố gắng khai thác và tinh tuyển quặng tối đa công suất.

- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Công ty có kế hoạch xin gia hạn vào đầu năm 2014

d. Khai thác lộ thiên mỏ sắt Eo Dòng, tại Xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Mỏ quặng sắt Eo Dòng được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Á (tên gọi trước đây của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh) theo quyết định số 6017/QĐ-UBND.TN ngày 12/10/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 54.472,6 tấn quặng sắt tinh
- Công suất khai thác: 15.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên
- Hệ thống khai thác: cuốn chiều từ thấp lên cao
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 2 năm 2 tháng
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: đã mở vỉa bằng hào chung mở đường hào từ mặt bằng khu tuyển đi lên ở mức +20 chạy dọc theo chân đồi. Khối lượng khai thác hiện tại khoảng 55.000 tấn quặng nguyên khai, công ty đã tiến hành tinh tuyển một phần lượng quặng nguyên khai đã khai thác và thu được 150 tấn quặng sắt tinh. Dự kiến trong năm 2012 công ty sẽ huy động mọi nguồn lực (lao động, máy móc, kỹ thuật) để cố gắng khai thác và tinh tuyển quặng tối đa công suất.
- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Công ty có kế hoạch xin gia hạn vào cuối năm 2014

Bên cạnh các sản phẩm quặng sắt, quặng đa kim, hiện Phú Thịnh đang chuẩn bị khai thác quặng vàng gốc tại mỏ khai thác ở xã Nậm Có, huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Công ty đã xin được giáp phép khai thác mỏ vàng gốc này từ năm 2011, hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng đường lên mỏ.

Thông tin về mỏ vàng gốc tại Yên Bái như sau:

Địa điểm : Xã Nậm Có, huyện Mộ Cang Chải, tỉnh Yên Bái

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh

Thời gian thăm dò: 12 tháng

Diện tích thăm dò: 100 ha

Thời gian khai thác: 09 năm kể từ ngày 30/06/2011

Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 7 năm 10 tháng

Trữ lượng được cấp phép khai thác: 201.928 tấn quặng

Công suất khai thác: 25.240 tấn quặng/năm

Công nghệ khai thác: Hàm lò

Mô tả:

- Diện tích khu vực thăm dò 100 ha thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 hệ VN-2000 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ thể hiện trên bản đồ khu vực thăm dò;
- Phương pháp và khối lượng khai thác chủ yếu: Quặng vàng gốc được tiến hành khai thác theo phương pháp hàm lò với tổng trữ lượng 201.928 tấn quặng.
- Cơ sở pháp lý: Giấy phép số 990/GP-UBND tỉnh Yên Bái cấp phép việc khai thác quặng vàng gốc bằng phương pháp hàm lò cho Công ty cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh.
- Mục tiêu đầu tư: Khai thác vàng gốc chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước (khoảng 80%) và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài (20% sản phẩm của dự án). Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Góp phần tăng ngân sách nhà nước. Thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh Yên Bái
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: Đã và đang mở vỉa bằng lò xuyên vỉa khai trường được thực hiện bằng phương pháp giếng nghiêng kết hợp lò xuyên để khai thác thân quặng 1. Hiện tại đang khai thác thân quặng 1 khoảng 20.000 tấn quặng nguyên khai, tận thu được 25 tấn quặng vàng gốc và chưa tiến hành tinh chế quặng. Dự kiến đến hết 2012 sẽ khai thác sang thân quặng 2.

(Chú thích:

- *Quặng nguyên khai: là quặng thu hồi từ khâu khai thác tại các mỏ chưa qua gia công chế biến ở nhà máy tuyển. Quặng sau khi gia công chế biến sơ bộ trong mỏ cũng gọi là quặng nguyên khai.*
- *Quặng tinh: là quặng đã được qua khâu gia công chế biến ở nhà máy tuyển để đạt được một chất lượng cụ thể nào đó theo quy định tiêu chuẩn Nhà nước hoặc theo yêu cầu của khâu gia công chế biến tiếp theo. Quá trình tạo ra sản phẩm quặng tinh là tổ hợp của các khâu gia công và*

phân tách khoáng vật để từ. Quặng nguyên khai ban đầu ta thu được 1 hoặc nhiều sản phẩm có giá trị sử dụng trên thị trường. Quặng tinh sau tuyển thường chiếm từ 65-85% quặng nguyên khai, tùy thuộc vào từng loại quặng, do hệ số thu hồi phụ thuộc vào từng loại quặng khác nhau trong đó phụ thuộc vào thành phần vật chất, kiến trúc, cấu tạo khoáng vật, thành phần khoáng vật, tổ hợp công sinh khoáng vật trong từng mỏ (điều kiện tách các khoáng vật). Do đó mỗi loại quặng có hệ số thu hồi khác nhau, hay nói cách khác có tỷ lệ thu hồi quặng khác nhau và cách tính:

$$\frac{\text{Tinh quặng sau tuyển}}{\text{Quặng nguyên khai}} * 100\% = \text{Hệ số thu hồi}$$

- Quặng tận thu: là số quặng tận thu tiếp sau khi thực hiện quá trình tinh tuyển quặng tinh từ quặng nguyên khai)

6.3. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 3: Cơ cấu sản lượng theo sản phẩm thu mua và khai thác của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011			6 tháng/2012	
		Tấn	Tỷ trọng (%)	Tấn	Tỷ trọng (%)	Tăng/giảm so với 2010	Tấn	Tỷ trọng (%)
1	Quặng sắt	19.933	36,5%	108.726	54,1%	445%	23.036	31,0%
2	Quặng chì và tinh bột chì	-	0%	-	0%	0%	1.300	1,7%
3	Đá thạch anh	21.019	38,5%	90.696	45,1%	331%	43.348	58,3%
4	Khác	13.619	25,0%	1.704	0,8%	-87%	800	1,1%
5	Quặng nguyên khai khai thác được	-	0%	-	0%	0%	5.865,6	7,9%
	Tổng cộng	54.571	100%	201.126	100%	268%	74.349,6	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Phú Thịnh là khai thác mỏ quặng sắt, vàng, ... Tuy nhiên, hiện các mỏ đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công hạ tầng cơ sở tại các điểm mỏ, và đặt mũi thăm dò. Trong quá trình thăm dò, bước đầu Công ty đã thu được một số lượng quặng nguyên khai và qua sàng lọc

thu được quặng tinh. Nhưng trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty chưa tiến hành bán số quặng này, và chưa ghi nhận doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

Những năm qua, để chuẩn bị trước thị trường tiêu thụ cho quặng Công ty tự khai thác trong thời gian tới, từng bước tạo dựng thương hiệu đối với khách hàng, đồng thời sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, song song với hoạt động đầu tư mỏ, Phú Thịnh đã triển khai hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng khoáng sản như quặng sắt, chì, kẽm, đá thạch anh,... với sản lượng thu mua có tăng trưởng qua các năm.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011			6 tháng/2012	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tăng/ giảm so với 2010	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Quặng sắt	10.813	44,9%	67.631	48,4%	525,4%	20.652	30,3%
2	Quặng chì và tinh bột chì	-	-	-	-	-	15.150	22,2%
3	Đá thạch anh	8.588	35,7%	43.842	31,4%	410,5%	32.347	47,5%
4	Khác	4.685	19,5%	28.214	20,2%	502,1%	-	-
	Tổng cộng	24.087	100%	139.687	100%	479,9%	68.150	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Trong những năm qua, quặng sắt và đá thạch anh là hai mặt hàng thương mại đóng góp chủ lực vào doanh thu hoạt động của Phú Thịnh, trung bình quặng sắt đóng góp khoảng 41%, đá thạch anh là 38%, còn lại là các mặt hàng khác như thép, xi măng, đá silic, ... Nhìn chung, hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty đang được mở rộng kinh doanh mạnh mẽ, với sự tăng trưởng doanh thu qua từng năm ở mức cao, tổng doanh thu thuần năm 2011 là hơn 139 tỷ, tăng 479,9% so với năm 2010. Trong đó doanh thu từ quặng sắt và đá thạch anh lần lượt là 67,6 tỷ và 43,8 tỷ, tương ứng tăng 525% và 410%. Bước sang năm 2012, Phú Thịnh bắt đầu mở rộng kinh doanh thêm quặng chì và tinh bột chì, tuy là mặt hàng mới kinh doanh, nhưng với nguồn khách hàng dồi dào từ các ngành sản xuất đúc quặng, sơn, sản xuất nhựa PVC, ... nên chỉ trong 6 tháng đầu năm, mảng kinh doanh này đã đem lại trên 15 tỷ đồng doanh thu, chiếm 22,2% trong tỷ trọng tổng doanh thu thuần.

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010			Năm 2011			6 tháng/2012		
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/DT thuần (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/DT thuần (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG / DT thuần (%)
1	Quặng sắt	3.191	51,9%	29,5%	1.402	-11,7%	2,1%	1.234	30,2%	6%
2	Quặng chì và tinh bột chì	-	-	-	-	-	-	800	19,6%	5,3%
3	Đá thạch anh	2.459	40%	28,6%	(6.909)	57,9%	-15,8%	2.056	50,3%	6,4%
4	Khác	497	8,1%	10,6%	(6.428)	53,9%	-22,8%	-	-	-
	Tổng cộng	6.147	100%	17,5%	(11.935)	100%	-8,5%	4.091	100%	6%

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Quặng sắt và đá thạch anh vẫn duy trì cơ cấu lớn trong tổng lợi nhuận gộp, mỗi loại chiếm trung bình khoảng 40% trong tổng lợi nhuận gộp. Mảng kinh doanh mới quặng chì và tinh bột chì trong 6 tháng đầu năm 2012 cũng đã đóng góp hơn 19% trong cơ cấu lợi nhuận gộp.

Mặc dù là 2 mặt hàng kinh doanh chủ lực, nhưng nhìn chung trong những năm qua kinh doanh quặng sắt và đá thạch anh không đem lại nhiều lợi nhuận. Do những mặt hàng này có giá nhập vào cao, lại chịu nhiều biến động của giá cả thị trường, và các chi phí trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, lưu kho, và sơ chế; đồng thời giá thành được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, nên giá vốn hàng bán thường rất cao và biến động liên tục, đã khiến lợi nhuận gộp thấp, và biên lợi nhuận gộp bất ổn định. Như biên lợi nhuận gộp của quặng sắt năm 2010 là 29,5%, sang năm 2011 chỉ đạt 2,1%, và 6 tháng 2012 tăng lên là 6%. Tương tự, lợi nhuận gộp của đá thạch anh cũng biến động liên tục từ 28,6% năm 2010, giảm xuống âm 15,8% năm 2011 và 6,4% trong 6 tháng 2012.

Cũng chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế khó khăn chung của đất nước, để đạt được doanh số bán hàng cao, giảm bớt hàng tồn kho, Công ty đã chủ động thực hiện chủ trương giảm giá bán cho khách hàng trong khi giá đầu vào của các mặt hàng này nhập vào vẫn cao, nên trong năm 2011, lợi nhuận gộp từ bán hàng đã âm 11,9 tỷ đồng. Một phần là từ việc kinh doanh không khả quan của đá thạch anh, mặt khác là do có biến động trong cơ cấu sản phẩm bán ra của Công ty.

Nếu năm 2010 các mặt hàng và dịch vụ khác là đá cục silic và cho thuê máy thi công, thì sang năm 2011, công ty lại bổ sung thêm việc kinh doanh thép và xi măng, đây là mặt hàng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự ảm đạm của ngành xây dựng và bất động sản trong năm 2011, đã làm lợi nhuận gộp âm hơn 6,4 tỷ đồng.

6.4. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Các nguyên vật liệu, vật tư chính cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm quặng và đá cho hoạt động thương mại, và các vật liệu phục vụ khai thác.

Quặng và đá cho hoạt động thương mại của công ty hiện được cung cấp trực tiếp và ổn định thông qua việc ký các hợp đồng nguyên tắc dài hạn giữa Phú Thịnh và các đơn vị đã gắn bó lâu dài với Công ty như: Tổng công ty Cổ Phần Khoáng Sản Na Rì Hamico, Công ty Cổ Phần Đồng Vàng Bắc Kạn,... Dự kiến từ cuối năm 2012, Phú Thịnh sẽ có thêm 1 nguồn cung cấp ổn định và dài hạn quặng cho kinh doanh thương mại từ công ty con – Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An. Các mỏ nguyên liệu bao gồm:

- Mỏ sắt Eluvi-deluvi Tổng Phái với trữ lượng 276.357 tấn quặng tinh, công suất khai thác dự tính: 45.000 tấn quặng tinh/năm.
- Mỏ sắt - Caxiterit Tri Lễ: với trữ lượng 437.179 tấn quặng sắt tinh và 285 tấn quặng thiếc tinh, công suất khai thác dự tính: 50.000 tấn quặng tinh/năm.
- Mỏ sắt - Eluvi-deluvi Võ Nguyên: với trữ lượng 272.955 tấn quặng tinh và công suất khai thác dự tính: 60.000 tấn quặng tinh/năm .
- Mỏ sắt Eo Dông: với trữ lượng 54.472,6 tấn quặng tinh và công suất khai thác dự tính: 15.000 tấn quặng tinh/năm.
- Mỏ vàng gốc tại Yên Bái: với trữ lượng 201.928 tấn quặng vàng, công suất khai thác: 25.240 tấn quặng vàng nguyên khai/năm, công suất sản phẩm vàng sau khi tuyển là 26,863 kg/năm.

Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp vật tư nhiên liệu cho Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Công ty đầu tư trạm biến áp 500 KVA	Tỉnh Nghệ An	Điện dùng cho thi công
2	Công ty CP Thép Cao Bắc	Tổ 16, Nguyễn thị Minh Khai, Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Quặng sắt, đá cục Silic, Đá Thạch Anh
3	Công ty CP Đồng Vàng	Tổ 9, Phùng Chí Kiên, Thị xã	Xi măng Hoàng Thạch,

	Bắc Kan	Bắc Kan, Bắc Kan	quặng, đá thạch anh
4	Công ty TNHH Sơn Anh	Rã Bản, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kan	Quặng sắt
5	Công ty Chế biến và XNK Lâm Sản Bắc Kan	Km6, xã Xuất Hóa, Thị xã Bắc Kan, tỉnh Bắc Kan	Quặng sắt
6	Công ty CP Tư vấn XD và TM Minh Long	Tổ 2, phường Thịnh Đán, Tp Thái Nguyên	Sắt thép, xi măng, đá

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

❖ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho kinh doanh thương mại luôn biến động không ngừng do chịu tác động trực tiếp từ cung và cầu thị trường, và các chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản của Nhà nước. Trong khi chi phí giá vốn hàng bán lên đến trên 90% doanh thu, nên các biến động về giá quặng trên thị trường sẽ có ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của công ty.

Trong thời gian tới, hoạt động khai thác khoáng sản của công ty con Thăng Long Nghệ An, nguồn nguyên liệu đầu vào phụ thuộc rất lớn vào chính sách phát triển ngành khai thác và chế biến khoáng sản của Chính phủ. Bất kỳ một sự thay đổi nào về chính sách khai thác khoáng sản đều ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của công ty.

❖ **Các biện pháp hạn chế rủi ro về biến động giá thành nguyên vật liệu**

Để hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu, Công ty có kế hoạch và biện pháp chủ động về nguồn nguyên vật liệu, cụ thể như sau:

- Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu, đàm phán ký kết các hợp đồng cung ứng dài hạn;
- Tìm kiếm các công nghệ, thiết bị hiện đại có khả năng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu đầu vào.

6.4. Chi phí sản xuất

Bảng 7: Tỷ trọng các chi phí của Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2010			Năm 2011			6 tháng/ 2012		
	Giá trị (Triệu đồng)	%/ tổng chi phí	%/ doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	%/ tổng chi phí	%/ doanh thu thuần	Giá trị (Triệu đồng)	%/ tổng chi phí	%/ doanh thu thuần

Giá vốn hàng bán	17.939	88,43%	74,48%	151.623	99,47%	108,54%	64.059	99,04%	94%
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý	2.348	11,57%	9,75%	812	0,53%	0,58%	620	0,96%	0,91%
Tổng cộng chi phí	20.287	100%	84,22%	152.435	100%	109,13%	64.679	100%	94,9%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng/ năm 2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

Do hoạt động kinh doanh chính hiện nay là kinh doanh thương mại khoáng sản, nên các chi phí mua hàng bao gồm quặng, các chi phí bốc xếp, vận chuyển, sơ chế ... đều được hạch toán vào giá vốn hàng bán. Các chi phí này biến động liên tục theo giá thị trường tại từng thời điểm nên giá vốn hàng bán cao và biến động liên tục qua các năm, khiến tỷ trọng giá vốn trong cơ cấu chi phí sản xuất lớn, trung bình chiếm khoảng 95%. Cũng tương tự như sự biến động của doanh thu thuần, năm 2011, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng 7,5 lần so với năm 2010 là do việc mở rộng hoạt động kinh doanh đối với tất cả các mặt hàng thương mại.

Chi phí quản lý doanh nghiệp từ năm 2010 trở về trước thường rất lớn, và chiếm 11,57% trong cơ cấu chi phí. Nhưng từ năm 2011, chi phí này đã giảm đáng kể, chỉ chiếm khoảng 0,53-0,96% trong tổng chi phí, do công ty đã nỗ lực thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp và triển khai kiện toàn bộ máy tổ chức.

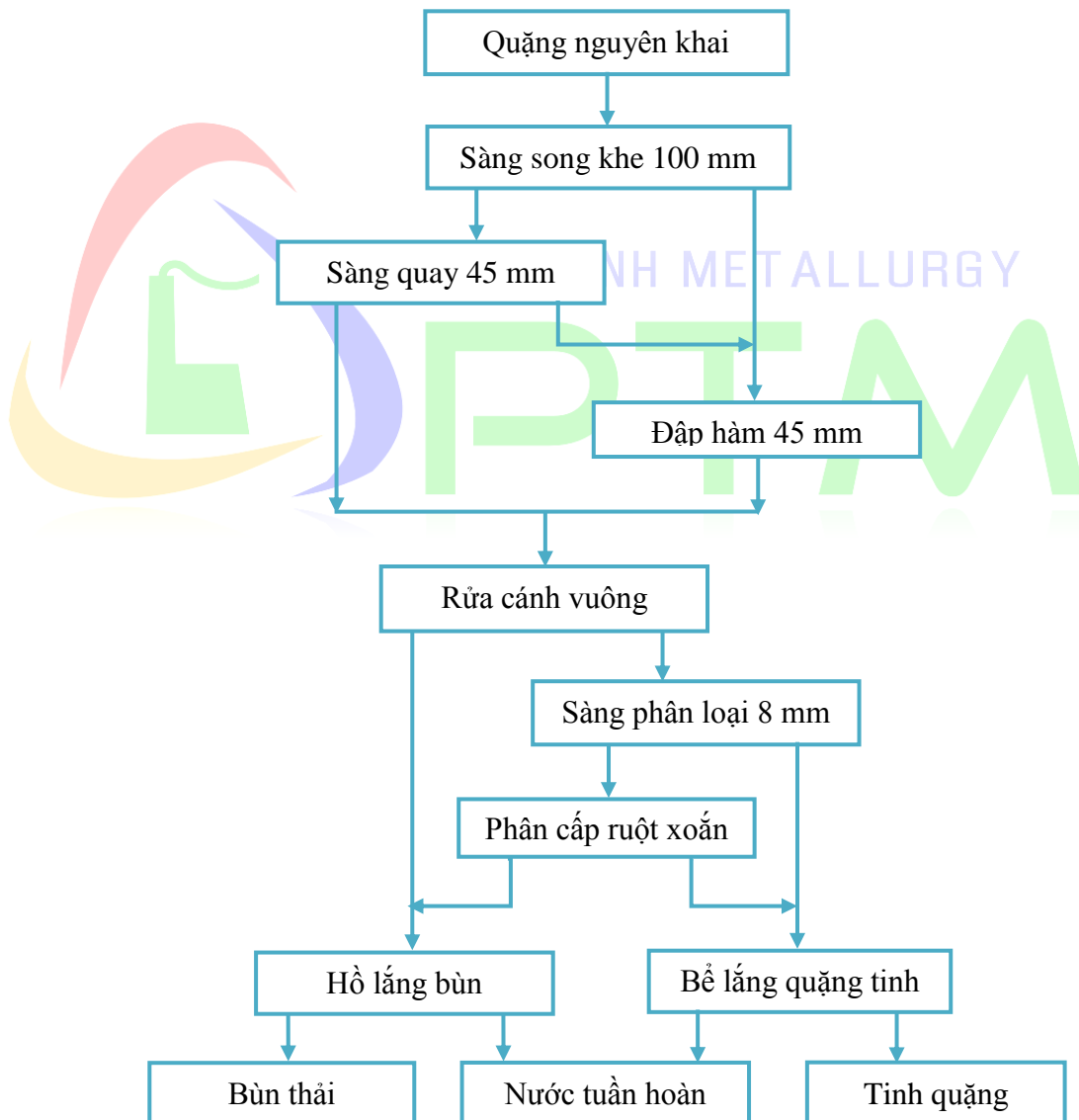
Chính sách quản lý chi phí:

Công ty đang tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng các bộ công nhân viên nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong các khâu sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.5. Trình độ công nghệ

Để phục vụ cho hoạt động khai thác quặng, từ năm 2009, Công ty đã chú trọng đầu tư những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,.. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước.

Sơ đồ 1: Sơ đồ công nghệ tuyển quặng sắt từ



Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Đây là công nghệ tuyển sắt được sử dụng rộng rãi hiện nay. Đặc điểm của công nghệ này là: Tuyển rửa kết hợp với tuyển trọng lực. Phương pháp này giúp nâng cao hiệu suất tuyển khoáng do ngay trong quá trình tuyển nước bằng vít xoắn đã tạo nên cường độ dòng chảy mạnh, độ nghiêng của vít xoắn cho phép tuyển được quặng có nhiều cỡ hạt khác nhau. Chi phí đầu tư không lớn, hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, khả năng thu hồi các thành phần hạt mịn kém.

Bảng 8: Danh sách máy móc thiết bị hiện có của Công ty

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Công suất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
1	Xe Toyota	Nhật Bản		2	96%
2	Xe bán tải	Nhật Bản		3	95%
3	Máy ủi D40	Thụy Điển	140 CV	3	95%
4	Máy ủi D31	Nga	140 CV	2	80%
5	Máy ủi DT75	Nga	75 CV	1	90%
6	Máy đào Komatsu PC200	Nhật Bản	0,75 m ³	3	90%
7	Máy đào KOBECO	Nhật Bản	0,5 m ³	2	85%
8	Máy đào HITACHI	Nhật Bản	0,75 m ³	2	85%
9	Máy đào SOLA 200 WIII	Hàn Quốc	1,2 m ³	1	90%
10	Máy đào HUYNDAI	Hàn Quốc	0,75 m ³	2	87%
11	Máy đào bánh xích CAT	Nhật Bản	1,25 m ³	3	95%
12	Lu rung BOMAZ	Mỹ	145 CV	5	90%
13	Lu bánh sắt 8-10 tấn	Nhật Bản		4	95%
14	Lu bánh sắt 10-12 tấn	Nhật Bản		4	90%
15	Lu bánh lốp	Nhật Bản		5	90%
16	Máy san DZ98	Nga	250 CV	4	90%
17	Đầm lốp DY16	Nhật Bản	240 CV	5	9,3%
18	Đầm SAKAI	Nhật Bản	145 CV	6	90%
19	Đầm cóc	Trung Quốc	4 CV	10	95%
20	Xe ô tô IFA ben	Đức	5T	2	90%
21	Xe ô tô HUYNDAI	Hàn Quốc	7-10T	12	95%

22	Xe ô tô KAMAZ	Nga	13T	6	90%
23	Xe téc tưới nước	Nga	5 m ³	9	90%
24	Xe chuyên dùng nấu nhựa tự hành	Nga		2	90%
25	Cầu tự hành	Nga	5T	3	80%
26	Ba lăng xích	Việt Nam		2	85%
27	Tời quay tay	Việt Nam		2	90%
28	Chân tó	Việt Nam		2	90%
29	Trạm trộn BTN	Việt Nam	50-60T	1	95%
30	Máy trộn bê tông	Trung Quốc	250-350L	1	95%
31	Máy đầm dùi	Trung Quốc	1KW	12	95%
32	Máy đầm bàn	Việt Nam	1,5KW	12	95%
33	Máy hàn			5	95%
34	Máy cắt			5	95%
35	Máy uốn sắt			5	90%
36	Máy bơm nước 24KW	Trung Quốc		4	95%
37	Ván khuôn định hình	Việt Nam	800 m ³		95%
38	Máy phát điện	Nhật Bản	30-70 KA	2	95%
39	Máy thủy bình	Thụy Sỹ		6	100%
40	Máy kính vĩ	Thụy Sỹ		4	100%
41	Thước đo dài (bộ)	Trung Quốc		12	100%
42	Máy nghiền đá	Trung Quốc		4	95%
43	Ba lăng xích (bộ)	Trung Quốc		6	95%
44	Nồi nấu nhựa	Nga		4	95%

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh

Hình ảnh một số máy móc thiết bị tiêu biểu của Công ty



Xe tải Hyundai



Máy nghiền kẹp hàm



Máy sàng quay phân cấp



Dây chuyền nghiền quặng sắt



Máy xúc thủy lực



Máy ủi Komatsu

Nguồn: Công ty cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

- Tại các mỏ đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai;
- Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm;
- Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000;

6.7. Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có thương hiệu không chỉ trên địa bàn tỉnh Nghệ An mà còn lan tỏa, có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn cả nước cũng như các nước trong khu vực như Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc,...

6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, tất cả các sản phẩm của CTCP Luyện kim Phú Thịnh đang được gắn chung một nhãn hiệu thương mại và cũng là logo của công ty

7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện và đã được ký kết

STT	Đối tác	Sản phẩm cung cấp	Dự kiến giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Tổng Công ty CP Khoáng sản Na Ri Ha mi co	Quặng sắt, đá cục Silic, Đá Thạch Anh, tinh bột chì	50.000.000.000	Đang thực hiện
2	Công ty CP Thuận Đức	Thép, Xi măng	30.000.000.000	Đang thực hiện
3	Công ty CP An Hồng Phương	Quặng sắt	30.000.000.000	Đang thực hiện
4	Tổng Công ty CP Tập Đoàn Tre gỗ Việt Nam	Quặng sắt, đá thạch anh, xi măng	20.000.000.000	Đang thực hiện
5	Công ty CP Đầu tư khoáng sản Tây Bắc	Quặng sắt, đá thạch anh, xi măng, sắt thép, đá	30.000.000.000	Đang thực hiện
	Tổng Cộng		160.000.000.000	

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2010, 2011 và 03 tháng/2012

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		06 tháng/2012
	Trị giá (Triệu đồng)	Tăng trưởng (%)	Trị giá (Triệu đồng)	Tăng trưởng (%)	Trị giá (Triệu đồng)
Tổng giá trị tài sản	189.279	295%	257.910	36%	397.115
Doanh thu thuần	24.087	308%	139.687	480%	68.150
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.147	131%	(11.935)	-294%	4.090
Doanh thu tài chính	2,7	-89%	23.012	850191%	3.838

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.801	319%	10.264	170%	7.308
Lợi nhuận khác	672	4380%	-	-100%	(40)
Lợi nhuận trước thuế	4.473	361%	10.264	129%	7.267
Lợi nhuận sau thuế	3.359	296%	7.655	128%	5.427
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	0%	-	0%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng/năm 2012 của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh thương mại khoáng sản. Kể từ sau khi thực hiện tăng vốn vào năm 2010, với các đầu mối khách hàng có được, cộng với tiềm lực tài chính mới, công ty đã đẩy mạnh kinh doanh thương mại bằng việc ký kết các hợp đồng dài hạn, với các lô hàng lớn và ưu đãi về thời gian thanh toán, đã giúp doanh thu thuần trong năm đạt hơn 24 tỷ đồng, tăng 308% so với năm 2009. Tiếp tục đà phát triển của năm 2010, năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 Công ty tiếp tục ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong doanh thu, lần lượt là hơn 139 tỷ đồng và 68 tỷ đồng doanh thu thuần.

Hoạt động kinh doanh quặng thương mại đòi hỏi các chi phí liên quan trong quá trình kinh doanh cao: giá mua quặng nguyên liệu cao, và các chi phí trong khâu vận chuyển, bốc hàng cao, nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty không cao, và biến động qua các năm. Đặc biệt, trong các năm 2010 và 2011, với xu hướng tăng giá chung của tất các mặt hàng, khiến cho giá vốn hàng bị đẩy lên cao, trong khi các đơn hàng khách đặt mua lại được thỏa thuận về giá bán trước. Vì các lý do trên mà lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ở mức rất thấp, lợi nhuận gộp năm 2010 chỉ hơn 6 tỷ đồng, và năm 2011 là âm 11,9 tỷ đồng.

Trong những năm qua, đóng góp vào lợi nhuận hoạt động kinh doanh phần lớn đến từ doanh thu tài chính – là khoản lãi thu từ vốn cho vay, đã giúp hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ tổng tài sản và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần của công ty trung bình duy trì ở mức 2,9% và 11,5%.

Tổng tài sản của Công ty được cải thiện và tăng liên tục qua các năm. Năm 2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 156 tỷ đồng, nên đã khiến tổng tài sản trong năm tăng 295% so với năm 2009. Sang năm 2011, tổng tài sản tăng 36%, với việc gia tăng của các khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán từ hoạt động kinh doanh thương mại khoáng sản. Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty một lần nữa tiến hành tăng vốn từ 156 tỷ lên 216 tỷ

đồng, đây là nguyên nhân chính khiến tổng tài sản tăng 53,9% so với thời điểm đầu năm.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

Chính sách của Nhà nước: Khoáng sản và xây dựng là những ngành được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động khai thác ở những vùng có cơ sở hạ tầng kém phát triển, những doanh nghiệp có kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

Nguồn lực sản xuất: Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các mỏ khai thác có trữ lượng lớn. Việc cần làm hiện nay của Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất để có thể khai thác được tối đa nguồn tài nguyên đã được cấp phép.

Nguồn lực con người: Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm: Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm quặng của Công ty như Silic, đá trắng, quặng sắt,... đều đang tăng cao. Hơn nữa Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm rất ổn định với giá trị hợp đồng lớn, thị trường không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng ra các nước trong khu vực và Trung Đông.

❖ Khó khăn

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước: Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp dùng nguyên liệu quặng làm nguyên liệu đầu vào nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm quặng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Giá vật liệu đầu vào từ đầu năm 2009 đã tăng khá mạnh cũng gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Công ty.

Công tác quản lý các mỏ thuộc chủ quyền của Công ty: Mặc dù có trữ lượng mỏ được cấp phép là hết sức dồi dào, nhưng vấn đề quản lý, khai thác một cách hiệu quả nhất những lợi thế đang có cũng là một thách thức không nhỏ đối với Công ty khi tình trạng khai thác tự do, khai thác lậu diễn ra hết sức phức tạp trên địa bàn.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Vị thế của công ty trong ngành

Trong hoạt động kinh doanh thương mại khoáng sản, Phú Thịnh đã có gần 5 năm kinh nghiệm, đặc biệt trong mảng kinh doanh quặng sắt và đá thạch anh. Công ty đã có quan hệ truyền thống lâu năm với các khách hàng đặc biệt là các nhà máy sản xuất gang thép lớn trong toàn quốc.

Từ đầu năm 2010, Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh mới gia nhập vào ngành khai thác và chế biến khoáng sản, với việc tiến hành chuẩn bị đầu tư vào các mỏ sắt tại Nghệ An, và mỏ vàng gốc tại Yên Bái, nhưng quy mô về vốn và lao động của Công ty còn nhỏ so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn. Tuy nhiên với kế hoạch đầu tư và trữ lượng tiềm năng của các mỏ Công ty đã được cấp phép khai thác, Công ty sẽ sớm đi vào ổn định và phát triển.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Thực tế, ngành khai thác và chế biến khoáng sản kim loại nước ta hiện vẫn còn thô sơ, lạc hậu, phát triển còn manh mún chưa phát triển đúng với tiềm năng, vị trí và vai trò trong quá trình phát triển Kinh tế - Xã hội của đất nước. Để phát triển ngành khai khoáng xứng với tiềm năng vốn có, Chính phủ đã đề ra chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, theo đó: “Khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao; đến năm 2020 chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường; hình thành các khu công nghiệp chế biến khoáng sản tập trung với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản”. Đây là cơ hội cho những doanh nghiệp có công nghệ khai thác chế biến hiện đại, có tiềm lực tài chính tham gia phát triển.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản là ngành đòi hỏi vốn đầu tư lớn, chi phí khai thác mỏ chịu ảnh hưởng rất nhiều từ biến động giá cả các yếu tố đầu vào như xăng, dầu... Ngoài ra, ngành Khai thác khoáng sản đòi hỏi việc tuân thủ ngặt nghèo các quy định về môi trường, công nghệ khai thác, và quyền khai thác các điểm mỏ. Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng, thúc đẩy quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khoáng sản đóng vai trò quan trọng trong khâu cung cấp nguyên nhiên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp khác. Trước tình hình trên, Công ty đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước như:

- Lập quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới.

Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

- Nghiên cứu công nghệ thu hồi các khoáng chất và nguyên tố cộng sinh trong các mỏ.
- Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.
- Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản.
- Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

10. Chính sách đối với người lao động

a. Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 30/07/2012, tổng số lao động của Công ty là 180 người, với cơ cấu trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11: Số lượng người lao động trong công ty

Yếu tố	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số lượng nhân viên	180	100%
<i>Phân theo trình độ chuyên môn</i>		
- Đại học và trên đại học	20	11,11%
- Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	45	25%
- Công nhân kỹ thuật	115	63,89%
<i>Phân theo thời hạn hợp đồng</i>		
- Không xác định	20	11,11%

- Có thời hạn	160	88,89%
---------------	-----	--------

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

b. Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6, từ 7h00-11h00 thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

✚ **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

✚ **Đảm bảo việc làm cho người lao động:** Để giải quyết việc làm cho gần 200 lao động, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm tìm các đối tác thích hợp, mở rộng SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

✚ **Nghỉ phép, lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được hưởng nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 1 năm sau.

✚ **Nghỉ ốm, thai sản:** Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (năm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

✚ **Chế độ lương:** Công ty thực hiện việc chi trả lương theo quy định của Luật lao động và thang bảng lương của Công ty.

- + **Chế độ thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong Công ty được thưởng thêm tháng lương thứ 13 và được trích khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất mà người lao động đã đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch năm.

Bảng 12: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	4.600.000	6.200.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

- + **Bảo hiểm và phúc lợi:** Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm bắt buộc cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà Nước. Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn ... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.
- + **Tổ chức công đoàn:** Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp lễ Tết, ... Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát 1 lần từ 4-5 ngày và không bị trừ ngày phép năm.

❖ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty, Công ty dự kiến chi trả cổ tức từ 7%/năm.

Trong những năm trước, công ty đã không thực hiện chia cổ tức, mà toàn bộ lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	04 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 30/06/2012 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

c. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 14: Tổng hợp nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	06 tháng/2012

Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.460.276	1.400.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.453.184	-
Thuế tài nguyên	-	-	-
Thuế môn bài	6.000.000	6.000.000	3.000.000
Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	7.460.276	21.853.184	3.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng/2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

d. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Ngoài ra, Công ty có thể trích từ lợi nhuận sau thuế vào các quỹ: quỹ đầu tư mở rộng và quỹ khen thưởng phúc lợi... và quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: Tùy khả năng tài chính của Công ty hằng năm, mức trích quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm từ 1% trên quỹ tiền lương và hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ của Công ty.
- Phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

Bảng 15: Số dư các quỹ

Đơn vị: Đồng

Các Quỹ	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.132.896.466
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	566.448.233
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	1.087.096.466

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng/2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

e. Tổng dư nợ vay

Bảng 16: Tình hình dư nợ vay

Đơn vị: Đồng

Đối tượng cho vay	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
1. Vay và nợ ngắn hạn	31.965.664.407	92.941.242542	167.851.838.086
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	-
- Phải trả người bán	30.779.332.023	89.156.835.005	161.139.488.854
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.186.332.384	3.784.407.537	5.625.252.766
2. Vay và nợ dài hạn	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng/2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

Trong các năm 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012, Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh không có bất kỳ khoản vay nào tại các ngân hàng.

f. Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Bảng 17: Khoản phải thu

Đơn vị: Đồng

Nội dung	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải thu của khách hàng	26.496.541.187	52.545.973.009	106.346.447.890
CTCP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	-	37.220.889.422	37.220.889.422
CTCP An Hồng Phương	-	15.325.083.587	12.325.083.587
Tổng CTCP Khoáng sản Na Rì Hamico	26.496.541.187	-	-
Công ty CP Luyện Kim Đông Bắc	-	-	56.800.474.881
Trả trước cho người bán	14.218.000.000	25.018.000.000	25.018.000.000
CTCP Kiến Trúc Xây Dựng Và Thương Mại ATC	18.000.000	18.000.000	18.000.000
CTCP Luyện Kim Đông Bắc	14.200.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu khác	-	23.017.488.833	4.988.833
Lãi phải thu ông Lê Văn Cương		23.012.500.000	
Phải thu khác		4.988.833	4.988.833

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng/2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 18: Khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

Nội dung	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải trả cho người bán	30.779.332.023	89.156.835.005	161.139.488.854
CTCP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	2.610.492.500	-	-
CTCP Thép Cao Bắc	21.436.839.523	21.436.839.523	21.436.839.523
Tổng CTCP Khoáng sản Na Ri Hamico	-	18.566.807.707	73.161.779.556
CTCP Đồng vàng Bắc Kạn	6.732.000.000	49.153.187.775	52.288.187.775
Tổng CTCP Tập Đoàn Tre Gỗ Việt Nam			14.212.682.000
Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt			40.000.000
Người mua trả tiền trước	-	-	-
Phải trả người lao động	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.186.332.384	3.784.407.537	5.625.252.766
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng/2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,3	1,3
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	3,0	1,3
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,2	0,4
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,2	0,6

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,5	30,2
+ Vòng quay tổng Tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	0,2	0,6
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14%	5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2%	5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2%	3%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16%	7%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2010, 2011, và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng/2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

Nhìn chung, nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty trong 2 năm gần đây được duy trì ở mức tốt, cao hơn 1 lần.

Các hệ số về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản, nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu có xu hướng gia tăng, năm 2010 các hệ số này lần lượt là 0,2 lần, năm 2011 tăng lên thành 0,4 và 0,6 lần; tuy nhiên các khoản nợ phải trả là các khoản phải trả ngắn hạn người bán, trong năm công ty không thực hiện bất kỳ khoản vay ngân hàng nào.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động cũng có xu hướng cải thiện. Năm 2011, Công ty đã thực hiện các đợt kích thích bán hàng để tăng doanh thu và giảm lượng hàng tồn kho, vì thế vòng quay hàng tồn kho năm 2011 đã tăng từ 3,5 lần (năm 2010) lên thành 30,2 lần, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 0,2 lần lên thành 0,6 lần trong năm 2011.

Với nguồn tiền nhàn rỗi, chưa dùng để triển khai đầu tư sâu vào khai thác các mỏ, Công ty đã cho các tổ chức và cá nhân vay, đem lại doanh thu tài chính, đã khiến cho các hệ số về khả năng sinh lời của năm 2011 như: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản được cải thiện đáng kể so với năm 2010, tăng từ 2% lên 5%. Tuy nhiên các hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần lại giảm từ 14% và 16% trong năm 2010 xuống còn 5% và 7% trong năm 2011, do diễn biến bất ổn chung từ tình hình kinh tế trong và ngoài nước, đã khiến hoạt động kinh doanh thương mại khoáng sản trong những năm qua gặp nhiều khó khăn.

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 20: Danh sách HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Hồng Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Thái Bá Hiến	Thành viên HĐQT – Kiểm Tổng Giám đốc
3	Lê Thanh Tân	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Dinh	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT – Kiểm Phó Tổng Giám đốc
Ban kiểm soát		
1	Đông Thị Hiền	Trưởng ban Kiểm soát
2	Phạm Hồng Thảo	Thành viên ban Kiểm soát
3	Nguyễn Văn Công	Thành viên ban Kiểm soát
Ban Tổng Giám đốc		
1	Thái Bá Hiến	Thành viên HĐQT – Kiểm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT – Kiểm Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng		
1	Trần Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên : NGUYỄN HỒNG TIẾN

Ngày tháng năm sinh : 08/05/1955

Số CMND/Hộ chiếu : 012498550 do Công an Hà Nội cấp ngày 22/03/2002

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tụ Lạn - Việt Yên - Bắc Giang

Địa chỉ thường trú : 67/322 Lê Trọng Tấn – Q. Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp quản lý xí nghiệp công nghiệp

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 1972 – 05/2009	Quân đội nhân dân Việt Nam	Bộ đội
Từ 2010 - 2011	Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc	Cán bộ
Từ 5/2012 đến nay	Công ty cổ phần luyện kim Phú Thịnh	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết : Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Tổng số cổ phần nắm giữ :

+ Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 50.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần của những người có liên quan : 0

Họ và tên : THÁI BÁ HIỀN

Ngày tháng năm sinh : 01/12/1952

Số CMND/Hộ chiếu : 090467556 do CA Thái Nguyên cấp ngày 20/10/2005

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Tổ 16, phường Tân Lập, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cao cấp chính trị và trung cấp chế tạo cơ khí

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
T12/1973 - T10/2004	Nhà máy cơ khí 19/5 - Tổng Công ty khoáng sản Vinacovim	Trưởng phòng và Phó Giám đốc
T11/2004 - T12/2011	Công ty Liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái	Phó Tổng Giám đốc
T1/2012 - T4/2012	Nghỉ hưu	
T5/2012 - nay	Công ty cổ phần luyện kim Phú Thịnh	Thành viên HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết		: Thành viên HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác		: Không
Tổng số cổ phần nắm giữ		:
+ Số cổ phần đại diện		: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân		: 50.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		: Không
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		: Không
Số cổ phần của những người có liên quan		: 0

Họ và tên : **LÊ THANH TÂN**

Ngày tháng năm sinh : 02/03/1948

Số CMND/Hộ chiếu : 120775973 do CA Bắc Giang cấp ngày 23/10/2009

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Yên Sơn - Lục Nam - Bắc Giang

Địa chỉ thường trú : Yên Sơn - Lục Nam - Bắc Giang

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1972 – 1976	Liên đoàn địa chất IV Nghệ An	Chuyên viên địa chất
1977 - 2005	Liên đoàn địa chất I Thái Nguyên	Phó giám đốc
2008 – 05/2012	Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc	Cán bộ kỹ thuật
06/2012 - nay	Công ty CP luyện kim Phú Thịnh	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc

Tổng số cổ phần nắm giữ :
 + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
 + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 Số cổ phần của những người có liên quan : 0

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
 Ngày tháng năm sinh : 07/05/1964
 Số CMND/Hộ chiếu : 162164236 do CA Nam Định ngày 16/12/1995
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Yên Thành, Ý Yên, Nam Định
 Địa chỉ thường trú : Yên Thành, Ý Yên, Nam Định
 Số điện thoại liên lạc :
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Trung cấp
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1982 - 1991	Quân khu I	Bộ đội
1991 - 2008	Sở xây dựng Đắk Lắk	Chuyên viên
2008 – 04/2012	Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc	Cán bộ kỹ thuật
T5/2012 - nay	Công ty CP Luyện kim Phú Thỉnh	Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ

+ Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần của những người có liên quan : 0

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN THÁI**

Ngày tháng năm sinh : 01/02/1986

Số CMND/Hộ chiếu : 142199310 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/10/2001

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phạm Kha - Thanh Miện - Hải Dương

Địa chỉ thường trú : Phạm Kha - Thanh Miện - Hải Dương

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
------------------	---------------------	----------------

Từ 2010– 04/2012	Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc	Cán bộ kỹ thuật
Từ 05/2012 - nay	Công ty CP luyện kim Phú Thịnh	Thành viên HĐQT – Kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT
- Kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
- + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 20.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần của những người có liên quan : Nguyễn Văn Đoan - Em trai: 10.000 cp

13.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	: ĐỒNG THỊ HIỀN
Ngày tháng năm sinh	: 12/04/1985
Số CMND/Hộ chiếu	: 091016739 do CA Thái Nguyên cấp ngày 19/04/2011
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Cù Vân - Đại Từ - Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú	: Tổ 8 phường Phùng Chí Kiên thị xã Bắc Kạn
Số điện thoại liên lạc	:
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp kế toán do Trường Cao đẳng Thương mại và du lịch

Quá trình công tác	:	
Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2007 - 2009	Công ty CP khoáng sản sơn Trang	Kế toán
Từ 2009 – 4/2012	Công ty TNHH Hà Bắc	Kế Toán
Từ 5/2012 - nay	Công ty CP luyện kim Phú Thịnh	Trưởng BKS

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết : Trưởng BKS

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ :

+ Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần của những người có liên quan : 0

Họ và tên : **PHẠM HỒNG THẢO**

Ngày tháng năm sinh : 04/08/1987

Số CMND/Hộ chiếu : 091505284 do Công an Thái Nguyên cấp ngày 14/08/2004

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Cù Vân - Đại Từ - Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú : Cù Vân - Đại Từ - Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp tài chính

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2010 – 03/2012	TCTy CP khoáng sản Na Rì Hamico	Trưởng phòng Vật tư
Từ 5/2012 - nay	Cty Cp luyện kim Phú Thịnh	Thành viên BKS
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	: Thành viên BKS	
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	: Không	
Tổng số cổ phần nắm giữ	:	
+ Số cổ phần đại diện	: 0 cổ phần	
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân	: 5.000 cổ phần	
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không	
Số cổ phần của những người có liên quan	: Phạm Hồng Thịnh - Em trai: 1.000 cp Ma Văn Toàn - Chồng: 1.000 cp	
Họ và tên	: NGUYỄN VĂN CÔNG	
Ngày tháng năm sinh	: 01/10/1986	
Số CMND/Hộ chiếu	: 121605318 do CA tỉnh Bắc Giang cấp ngày 27/11/2007	
Quốc tịch	: Việt Nam	
Dân tộc	: Kinh	
Quê quán	: Thôn Xuân Tiến, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	
Địa chỉ thường trú	: Thôn Xuân Tiến, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	
Số điện thoại liên lạc	:	
Trình độ văn hóa	: 12/12	
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp xăng dầu	

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2009-2/2010	Công ty cp đầu tư khoáng sản Tây Bắc	Cán bộ kỹ thuật
Từ 03/2010 - nay	Công ty CP luyện kim Phú Thịnh	TP kỹ thuật – TV BKS

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết : Trưởng phòng kỹ thuật, và thành viên BKS

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Khác

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
- + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần của những người có liên quan : Nguyễn Thị Hoa - Vợ: 500.000 cp

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên : **THÁI BÁ HIỀN**
Sơ yếu lý lịch như trên

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN THÁI**
Sơ yếu lý lịch như trên

13.4. Kế toán trưởng

Họ và tên : **TRẦN THỊ THU HOÀI**
Ngày tháng năm sinh : 12/02/1982
Số CMND/Hộ chiếu : 090754142 do CA Tỉnh Thái Nguyên

cấp ngày 8/1/1997

Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Tổ 15 phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú : Tổ 15, phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên
Số điện thoại liên lạc :
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2003 - 2009	Công ty CP Nhật Anh	Kế toán trưởng
Từ 2010 - T9/2011	Doanh nghiệp TN Cao Ngọc Nguyên	Kế toán trưởng
Từ T10/2011- T3/2012	BĐH Dự án 11A - Tổng Công ty Thành An	Kế toán Tài chính
Từ T4/2012 - nay	Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh	Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm
yết : Kế toán trưởng

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ

- + Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
- + Số cổ phần thuộc sở hữu cá
nhân : 10.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Số cổ phần của những người có
liên quan : 0

14. Tài sản

Bảng 22: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 30/06/2012

Đơn vị: Đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	275.217.639	218.253.033	56.964.606
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	245.634.132	201.037.040	44.597.092
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	10.726.364	4.330.279	6.396.085
5	Tài sản cố định khác	18.857.143	12.885.714	5.971.429
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Cộng	275.217.639	218.253.033	56.964.606

Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng/ 2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

15.1. Định hướng phát triển trong giai đoạn 2012 – 2014

- Tiếp tục đầu tư sâu rộng cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và kinh doanh thương mại;
- Triển khai, đầu tư thêm các dự án mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng nhằm tăng khả năng cạnh tranh, củng cố và nâng cao thương hiệu của Phú Thịnh trên thị trường trong nước cũng như nước ngoài;
- Định hướng phát triển Phú Thịnh trở thành một công ty có cơ cấu doanh thu khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu thuần, nhằm tận dụng tối đa các lợi thế về nguồn tài chính, số lượng mỏ được cấp phép, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của công ty.

15.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2012 – 2013

Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2012-2013

Chỉ tiêu	Năm 2012		2013	
	Giá trị (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2011	Giá trị (Triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2012
Doanh thu thuần	200.000	43,8%	250.000	25%
Lợi nhuận sau thuế	20.000	163%	22.000	10%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10%	81,8%	8,8%	-12%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,26%	164%	10,2%	10,15%
Cổ tức	7%		7%	

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian vừa qua, cùng với tiến độ triển khai mở rộng hoạt động khai thác quặng kim loại Công ty đang thực hiện để lập kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận cho các năm tiếp theo như trên.

Năm 2012, Công ty bắt đầu phải nộp 100% thuế thu nhập doanh nghiệp, đồng thời hạch toán phần truy thu thuế doanh nghiệp như đã nêu trên. Tuy nhiên, từ năm 2012, ngoài hoạt động chính là kinh doanh thương mại khoáng sản, kết quả kinh doanh của công ty hứa hẹn có nhiều biến động từ việc một số mỏ sắt tại Nghệ An chính thức đi vào khai thác, và việc hợp tác kinh doanh cùng với các công ty liên doanh liên kết, do đó kế hoạch tăng trưởng doanh thu của Công ty từ 2012 là 43,8%/năm, và lợi nhuận sau thuế năm 2012 tăng 164% so với năm 2011.

15.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2012 – 2013

Các chỉ tiêu kế hoạch trong giai đoạn 2012 – 2013 được Công ty xây dựng dựa trên những cơ sở như sau:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu vẫn đang diễn biến rất phức tạp, tiềm ẩn nhiều biến động khó lường. Do đó hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không tránh khỏi những tác động này.
- Dựa trên kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2012, và nhu cầu thị trường về sản phẩm quặng sắt của Công ty vẫn còn rất tiềm năng. Đồng

thời, doanh thu từ các hợp đồng bán quặng của công ty thường được hạch toán vào quý 3 và 4 hàng năm.

- Từ cuối năm 2012 trở đi, công ty có được lợi nhuận từ hoạt động góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết.

Do đó, có thể khẳng định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tổng giai đoạn 2012-2013 sẽ đạt được theo kế hoạch đã đưa ra.

Kết quả kinh doanh dự kiến cho 2 năm tới được tổng hợp từ các nguồn dưới đây:

Bảng 24: Tổng hợp kế hoạch kinh doanh từ các mỏ giai đoạn 2012 – 2013

Stt	NGUỒN KHAI THÁC	ĐVT	2012	2013
1	Mỏ sắt Võ Nguyên - Nghệ An			
	Trữ lượng (quặng tinh)	tấn	272,955	242,955
	Công suất khai thác (quặng tinh)	tấn/tháng	5,000	5,000
	Đơn giá quặng tinh	đồng/tấn	1,000,000	1,000,000
	Thời gian khai thác	Tháng	6	12
	Tổng lượng quặng khai thác quặng tinh	tấn	30,000	60,000
	Doanh thu dự kiến	đồng	30,000,000,000	60,000,000,000
	Chi phí dự kiến (nhân công, khấu hao máy móc, nhà xưởng, công trình hạ tầng khai mỏ, vận chuyển, phí môi trường, thuế,...)	đồng	26,100,000,000	52,200,000,000
	Lợi nhuận (sau thuế)	đồng	3,900,000,000	7,800,000,000
2	Mỏ Sắt/Thiếc - Tri Lễ Nghệ An			
	Trữ lượng (quặng sắt tinh)	tấn	437,179	412,219
	Trữ lượng (quặng thiếc tinh)	tấn	285	276
	Công suất khai thác quặng sắt tinh	tấn/tháng	4,160	4,160
	Công suất khai thác quặng thiếc tinh	tấn/tháng	1.5	1.5
	Đơn giá quặng sắt tinh	đồng/tấn	1,000,000	1,000,000
	Đơn giá quặng thiếc tinh	đồng/tấn	200,000,000	200,000,000

	Thời gian khai thác	Tháng	6	12
	Tổng lượng quặng sắt tinh khai thác	tấn	24,960	49,920
	Tổng lượng quặng thiếc tinh khai thác	tấn	9	18
	Doanh thu dự kiến	đồng	26,760,000,000	53,520,000,000
	Chi phí dự kiến (nhân công, khấu hao máy móc, nhà xưởng, công trình hạ tầng khai mỏ, vận chuyển, phí môi trường, thuế,...)	đồng	23,281,200,000	46,562,400,000
	Lợi nhuận (sau thuế)	đồng	3,478,800,000	6,957,600,000
3	Mỏ Sắt Eo Dòng - Nam Kim Nghệ An			
	Trữ lượng quặng tinh	tấn	54,472	46,972
	Công suất khai thác quặng tinh	tấn/tháng	1,250	1,250
	Đơn giá quặng tinh	đồng/tấn	1,000,000	1,000,000
	Thời gian khai thác	Tháng	6	12
	Tổng lượng quặng tinh khai thác	tấn	7,500	15,000
	Doanh thu dự kiến	đồng	7,500,000,000	15,000,000,000
	Chi phí dự kiến (nhân công, khấu hao máy móc, nhà xưởng, công trình hạ tầng khai mỏ, vận chuyển, phí môi trường, thuế,...)	đồng	6,525,000,000	13,050,000,000
	Lợi nhuận (sau thuế)	đồng	975,000,000	1,950,000,000
4	Mỏ sắt Tổng phái - Yên Hợp - Nghệ An			
	Trữ lượng quặng tinh	tấn	176,357	153,857
	Công suất khai thác quặng tinh	tấn/tháng	3,750	3,750
	Đơn giá quặng tinh	đồng/tấn	1,000,000	1,000,000
	Thời gian khai thác	Tháng	6	12
	Tổng lượng quặng tinh khai thác	tấn	22,500	45,000
	Doanh thu dự kiến	đồng	22,500,000,000	45,000,000,000
	Chi phí dự kiến (nhân công, khấu hao máy móc, nhà xưởng, công trình hạ tầng khai mỏ,	đồng	19,575,000,000	39,150,000,000

	vận chuyển, phí môi trường, thuế,...)			
	Lợi nhuận (sau thuế)	đồng	2,925,000,000	5,850,000,000
5	Mỏ Vàng Huổi Pao - Yên Bái			
	Trữ lượng quặng tinh	tấn	201,928	201,915
	Công suất khai thác quặng	tấn/tháng	2,103	2,103
	Công suất ra vàng khai thác	kg/tháng	2.24	2.24
	Đơn giá quặng tinh	đồng/kg	1,000,000,000	1,000,000,000
	Thời gian khai thác	Tháng	6	12
	Tổng lượng quặng tinh khai thác	Kg	13	27
	Doanh thu dự kiến	đồng	13,440,000,000	26,880,000,000
	Chi phí dự kiến (nhân công, khấu hao máy móc, nhà xưởng, công trình hạ tầng khai mỏ, vận chuyển, phí môi trường, thuế,...)	đồng	9,408,000,000	18,816,000,000
	Lợi nhuận (sau thuế)	đồng	4,032,000,000	8,064,000,000
	Tổng doanh thu dự kiến	đồng	100,200,000,000	200,400,000,000
	Tổng lợi nhuận sau thuế	đồng	15,310,800,000	30,621,600,000

(*) Lưu ý: Trữ lượng mỏ Tổng phôi – Yên hợp Nghệ An đã được trừ đi phần trữ lượng dự tính của điểm mỏ Bản Can.

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán Đại Dương đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh.

Dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại, chúng tôi cho rằng nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2011, 2012 có thể được đảm bảo thực hiện. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên

ngiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/HĐKD, Phú Thịnh và CTCP Chì kẽm Yên Bái mỗi bên cam kết góp 200 tỷ đồng vào nhà máy phục vụ hoạt động sản xuất chì kẽm của Công ty. Đến thời điểm ngày 30/6/2012, Phú Thịnh đã thực góp 167,5 tỷ đồng, và hiện còn 32,5 tỷ đồng chưa thực hiện.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2012/HĐKD, Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Yên Bái Lào Cai, mỗi bên cam kết góp 100 tỷ đồng vào nhà máy phục vụ hoạt động sản xuất chì kẽm của Công ty. Đến thời điểm ngày 30/6/2012, Phú Thịnh đã thực góp 70 tỷ đồng, và hiện còn 30 tỷ đồng chưa thực hiện.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 21.600.000 Cổ phần
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo điều 9 Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ, mục d quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời hạn 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Theo đó, tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết trên là 180.000 cổ phiếu, chiếm 0,83% vốn điều lệ đã đăng ký. Cụ thể:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG (CP)	TỶ LỆ SỞ HỮU
I.	Hội đồng quản trị		
1	NGUYỄN HỒNG TIẾN	50.000	0,23%
2	THÁI BÁ HIỀN	50.000	0,23%
3	LÊ THANH TÂN	10.000	0,05%
4	NGUYỄN VĂN DINH	10.000	0,05%
5	NGUYỄN VĂN THÁI	20.000	0,09%
II.	Ban Kiểm Soát		
1	ĐỒNG THỊ HIỀN	10.000	0,05%
2	PHẠM HỒNG THẢO	5.000	0,02%
3	NGUYỄN VĂN CÔNG	15.000	0,07%
III.	Ban Tổng giám đốc		
1	THÁI BÁ HIỀN	50.000	0,23%
2	NGUYỄN VĂN THÁI	20.000	0,09%
IV.	Kế toán trưởng		
1	TRẦN THỊ THU HOÀI	10.000	0,05%

V.	TỔNG CỘNG	180.000	0,83%
-----------	------------------	----------------	--------------

5. Giới hạn nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người nước ngoài. Sau khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/07/2012, Công ty không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.

6. Phương pháp tính giá

Việc định giá cổ phiếu của CTCP Luyện kim Phú Thịnh dựa trên 3 phương pháp cơ bản là P/B, P/E và DCF. Trong đó, P/B và P/E được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà đơn vị tư vấn xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/ Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Mã CP	Tên Công ty	KLCPLH hiện tại	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	Giá đóng cửa ngày 31/07/2012	P/B (Lần)
BGM	CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang	16.800.000	12.360	5.400	0,44
BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	12.392.630	17.422	49.900	2,86
DHM	CTCP Thương mại và khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	16.000.000	12.035	21.800	1,81
KSA	CTCP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	15.442.559	13.380	12.800	0,96
KSB	CTCP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương	18.000.000	24.084	19.500	0,81
KSS	Tổng CTCP Khoáng sản Na Rì Hamico	24.190.000	15.093	8.600	0,57
KTB	CTCP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	26.800.000	10.941	7.700	0,7
	Bình quân				1,16

(Nguồn: Stoxpro)

- P/B bình quân của các Công ty cùng ngành được lựa chọn đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán đến ngày 31/07/2012 là: 1,16 lần
- Trên cơ sở cân nhắc thận trọng, chúng tôi lựa chọn giá trị P/B tham chiếu để tính giá trị cổ phiếu là 1,16 lần so với giá trị sổ sách.

Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2012	229.263.519.212
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.600.000
Book value tại ngày 30/06/2012	10.614
P/B tham chiếu	1,16
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/B (Làm tròn)	12.300 đồng

(Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh)

b. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Mã CP	Tên Công ty	EPS cơ bản (VND)	Giá đóng cửa ngày 31/07/2012	P/E (Lần)
BGM	CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang	1.240	5.400	4,35
BMC	CTCP Khoáng sản Bình Định	9.497	49.900	5,25
DHM	CTCP Thương mại và khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	1.687	21.800	12,92
KSA	CTCP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	176	12.800	72,53
KSB	CTCP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương	5.569	19.500	3,5
KSS	Tổng CTCP Khoáng sản Na Rì Hamico	398	8.600	21,61
KTB	CTCP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	420	7.700	18,35
	Bình quân			19,79

(Nguồn: Stoxpro)

- P/E bình quân của các Công ty cùng ngành được lựa chọn đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán đến ngày 31/07/2012 là: 19,79 lần
- Trên cơ sở cân nhắc thận trọng, chúng tôi lựa chọn giá trị P/E tham chiếu để tính giá trị cổ phiếu là 19,79 lần so với giá trị sổ sách.

Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E được tính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2012	5.427.034.412
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	7.802.167.511
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.600.000
EPS cơ bản 4 quý	495
P/E tham chiếu	19,79
Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E (Làm tròn)	9.800 đồng

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2011, BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2012 của CTCP Luyện kim Phú Thịnh

c. Định giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu luồng thu nhập (DCF)

Phương pháp chiết khấu luồng thu nhập (DCF) được dựa trên nguyên lý "tiền có giá trị theo thời gian". Do đó, giá trị của Doanh nghiệp được xác định bằng các luồng thu nhập dự kiến mà Doanh nghiệp đó thu được trong tương lai được quy về giá trị hiện tại, bằng cách chiết khấu dòng tiền bằng một mức tỷ lệ chiết khấu phù hợp với mức độ rủi ro của Doanh nghiệp đó. Ở đây chúng tôi sẽ áp dụng 2 phương pháp phổ biến là FCFE và FCFE để định giá cổ phiếu của CTCP Luyện kim Phú Thịnh.

Theo đó, chúng tôi xây dựng dòng thu nhập dự kiến của Phú Thịnh dựa trên những căn cứ sau:

- Các mỏ sẽ lần lượt đi vào khai thác chính thức như thời gian dự kiến của doanh nghiệp.
- Quặng khai thác được sẽ được công ty mẹ Phú Thịnh đảm nhiệm việc kinh doanh thương mại cho các đơn vị khác.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm 2012 và 2013 theo như dự kiến của Phú Thịnh là 7%/mệnh giá mỗi năm. Từ năm 2014 đến năm 2017, tỷ lệ cổ tức hàng năm này tăng lên là 10%/mệnh giá.

❖ **Kết quả định giá theo phương pháp FCFF như sau:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

FCFF Model	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Lợi nhuận sau thuế	20.024	22.010	30.656	32.472	34.234	36.253
(+) Chi phí Khấu hao TSCĐ	354	754	1.273	1.946	2.814	3.931
(-) Thay đổi vốn lưu động	(16.371)	(23.444)	(23.249)	(8.196)	(2.709)	1.659
(-) Đầu tư tài sản dài hạn	5.695	7.314	9.383	12.023	15.390	19.685
(+) Phát hành thêm cổ phần	60.000	-	-	-	-	-
(+) Chi phí lãi vay sau thuế	110	302	518	743	951	1.282
Dòng tiền thuần	91.164	39.195	46.313	31.335	25.318	20.122
Tỷ lệ tăng trưởng sau năm 2017						5%
Giá trị sau năm 2017						165.546
Tỷ lệ chiết khấu	17,8%					
Giá trị hiện tại của dòng tiền thuần	84.008	30.671	30.774	17.681	12.131	75.543
Giá trị doanh nghiệp	250.807					
Số lượng cổ phần đang lưu hành	21.600.000	Cổ phiếu				
Giá trị doanh nghiệp/1 cổ phần tại ngày 30/6/2012	11.611	Đồng/cp				

❖ **Kết quả định giá theo phương pháp FCFE như sau:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

FCFE Model	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Lợi nhuận sau thuế	20.024	22.010	30.656	32.472	34.234	36.253
(+) Chi phí Khấu hao TSCĐ	354	754	1.273	1.946	2.814	3.931
(-) Thay đổi vốn lưu động	(16.371)	(23.444)	(23.249)	(8.196)	(2.709)	1.659

(-) Đầu tư tài sản dài hạn	5.695	7.314	9.383	12.023	15.390	19.685
(+) Phát hành thêm cổ phần	60.000	-	-	-	-	-
(+) (Vay mới – Góc vay đã trả)	2.254	2.818	3.680	4.520	5.163	5.866
Dòng tiền thuần	93.308	41.711	49.475	35.112	29.530	24.706
Tỷ lệ tăng trưởng sau năm 2017						5%
Giá trị sau năm 2017						203.260
Tỷ lệ chiết khấu	17,8%					
Giá trị hiện tại của dòng tiền thuần	85.984	32.639	32.875	19.812	14.149	92.753
Giá trị thuộc về chủ sở hữu DN	278.211					
Số lượng cổ phần đang lưu hành	21.600.000	Cổ phiếu				
Giá trị doanh nghiệp/1 cổ phần tại ngày 30/6/2012	12.880	Đồng/cổ phiếu				

Hoạt động kinh doanh chính của Phú Thịnh trong những năm tới sẽ là hoạt động khai thác các mỏ quặng, mảng kinh doanh thương mại quặng các loại hiện tại sau này sẽ là mảng hỗ trợ cho hoạt động khai thác và sản xuất tinh quặng. Mặt khác, hiện tại các mỏ đang trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, cơ sở hạ tầng, đặt mũi thăm dò, ..., nên hoạt động khai thác chưa có sản phẩm, chưa tạo doanh thu – lợi nhuận cho Công ty. Do vậy, hai phương pháp định giá theo P/B và P/E tuy phản ánh được ảnh hưởng của diễn biến thị trường, nhưng sẽ không phải là phương pháp phù hợp để phản ánh được tiềm năng của doanh nghiệp. Theo đó, chúng tôi sẽ định giá cổ phiếu của CTCP Luyện kim Phú Thịnh dựa trên cơ sở của 2 phương pháp (FCFF và FCFE) trong phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) ở trên.

Phương pháp định giá	Giá cổ phiếu theo từng phương pháp	Tỷ trọng	Giá trị theo trọng số
FCFF	11.611 đồng/cp	50%	5.806
FCFE	12.880 đồng/cp	50%	6.440
Tổng hợp	Giá cổ phiếu làm tròn		12.200 đồng/cp

Mức giá tổng hợp từ 2 phương pháp FCFF và FCFE là 12.200 đồng/cp. Theo đó, Công ty đề xuất giá dự kiến niêm yết chào sàn là **12.000 đồng/cp** (theo Nghị quyết HĐQT về giá dự kiến niêm yết đính kèm).

Chúng tôi xin lưu ý rằng, việc tính giá giao dịch dự kiến được dùng làm giá tham chiếu để tính biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở lý thuyết về tài chính, chứng khoán và cả mức độ chấp nhận của các nhà đầu tư hiện nay trên thị trường tự do. Các nhà đầu tư nên đánh giá và quyết định đưa ra một mức giá phù hợp với kỳ vọng cũng như mức độ rủi ro có thể chấp nhận được.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% đối với hàng bán trong nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất năm 2008 là 28%, thuế suất từ năm 2009 trở đi là 25% và được miễn giảm 30% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 04 năm kể từ năm 2008 đến hết năm 2011. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan. Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**TỔ CHỨC NIÊM YẾT****CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH -**

Trụ sở: Số 74 - F3. khu đô thị mới Đại Kim. P.Đại Kim. Q. Hoàng Mai. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35409236

Fax: (84-4) 35409237

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG – OCS**

Trụ sở: Số 4 Láng Hạ. Quận Ba Đình. Hà Nội. Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3772 6699

Fax: (84-4) 3772 7077

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)**

Trụ sở: Số 02 Huyện Khương Ninh. P.Đa Kao. Quận 1. TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3910 5401

Fax: (84-8) 3910 5402



VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu
2. **Phụ lục II:** Giấy phép đăng ký kinh doanh, và các giấy phép khai thác mỏ
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Quy chế quản trị
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2010, 2011 và 6 tháng 2012
6. **Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2010, 2011 và 6 tháng 2012

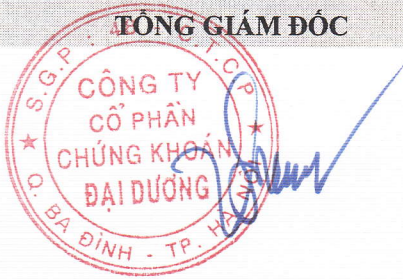


**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỐ PHIẾU
CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH**

Hà nội, ngày 13 tháng 09 năm 2012

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG**



VŨ HỒNG SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LUYỆN KIM PHÚ THỊNH**



NGUYỄN HỒNG TIẾN

TỔNG GIÁM ĐỐC

THÁI BÁ HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ THU HOÀI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐÔNG THỊ HIỀN